TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 367/2025/DS - PT
Ngày: 19/5/2025
V/v: *Tranh chấp chia thừa kế.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Thanh Bình**
***Các Thẩm phán*: Ông Vũ Viết Văn**
Bà Trần Thị Diệp Linh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế.*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2022/QĐ-PT ngày tháng năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

⁎ ***Nguyên đơn:*** Bà Trịnh Thị Gái (Khuyên), sinh năm 1964.
HKTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

**** Bị đơn*: Ông Trịnh Văn Viên** - Sinh năm 1945.
HKTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
1/ Bà **Trịnh Thị Điền**, sinh năm 1941 (chị bà Gái)
2/ Bà **Trịnh Thị Hồng**, sinh năm 1955 (chị bà Gái)
3/ Bà **Trịnh Thị Hải**, sinh năm 1958 (chị bà Gái)
Đều có HKTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
4/ Bà **Trịnh Thị Bắc**, sinh năm 1959 (chị bà Gái)
HKTT: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

5/ Bà **Trịnh Thị Sửu**, sinh năm 1962 (chị bà Gái)

6/ Bà **Hoàng Thị Nhu**, sinh năm 1943 (vợ ông Viên)

7/ Anh **Trịnh Đình Phi**, sinh năm 1974 (con ông Viên)

8/ Anh **Trịnh Văn Toản**, sinh năm 1977 (con ông Viên)

9/ Anh **Trịnh Đình Ngũ**, sinh năm 1979 (con ông Viên)

10/ Anh **Trịnh Đình Thảo**, sinh năm 1984 (con ông Viên)

11/ Anh **Trịnh Văn Hiền**, sinh năm 1987 (con ông Viên)

12/ Chị **Nguyễn Kim Ngân**, sinh năm 1990 (con bà Gái)

13/ Anh **Nguyễn Minh Khánh**, sinh năm 1994 (con bà Gái)

14/ Chị **Hà Thị Kim Yến**, sinh năm 1994 (con dâu bà Gái)

15/ Chị **Lê Thị Thuận**, sinh năm 1976 (vợ anh Phi)

16/ Cháu **Trịnh Xuân Lễ**, sinh năm 2000 (con anh Phi)

17/ Cháu **Trịnh Thị Thanh Bình**, sinh năm 2004 (con anh Phi)

18/ Cháu **Trịnh Thùy Dương**, sinh năm 2013 (con anh Phi)

19/ Chị **Nguyễn Thị Thúy Hường**, sinh năm 1984 (vợ anh Toản)

20/ Cháu **Trịnh Xuân Tùng**, sinh năm 2009 (con anh Toản)

21/ Cháu **Trịnh Thị Thùy Hương**, sinh năm 2011 (con anh Toản)

22/ Cháu **Trịnh Xuân Thành**, sinh năm 2015 (con anh Toản)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bình, cháu Dương là anh Phi, chị Thuận là bố, mẹ đẻ.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tùng, cháu Hương, cháu Thành là anh Toản, chị Hường là bố, mẹ đẻ.

Đều có HKTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội

Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội

Có mặt: Bà Gái, bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu.

Vắng mặt: Ông Viên, bà Bắc, bà Nhu, anh Phi, anh Toản, anh Ngũ, anh Thảo, anh Hiền, chị Ngân, anh Khánh, chị Yến, chị Thuận, cháu Lễ, cháu Thanh, cháu Dương. Chị Hường, cháu Tùng, cháu Hương, cháu Thành.

Người kháng cáo: Ông **Trịnh Văn Viên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 08/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) trình bày*:**

**** Về quan hệ huyết thống*:** Bố bà Gái là cụ Trịnh Văn Giã, sinh năm 1923, chết ngày 10/02/2001; Mẹ bà Gái là cụ Chu Thị lanh, sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992. Bố mẹ bà Gái có 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên). Ngoài ra bố mẹ bà Gái không có con nào khác.

Sau khi các con trưởng thành xây dựng gia đình riêng; Bố bà Gái ăn ở cùng vợ chồng ông Viên và trực tiếp ở trên thửa đất số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2; khi

cụ Giã chết, ông Viên đứng ra lo, chi phí là tiền của cụ Giã để lại và tiền của anh chị em có đóng góp. Mẹ bà Gái ăn ở cùng bà Gái tại thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2; trước khi cụ Lanh chết vài tiếng đồng hồ thì đưa vào nhà ông Viên, việc tổ chức tang lễ ông Viên đứng ra lo, chi phí là tiền của cụ Lanh để lại và anh chị em có đóng góp.

**** Về tài sản*:** Khi bố mẹ bà Gái là cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh còn sống; bố mẹ bà Gái có 4 thửa đất, gồm:

- Thửa đất ở số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2 (theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là của bố mẹ bà Gái được chính quyền chia cho bố mẹ bà Gái; chia cho năm nào bà Gái không rõ; trên đất có nhà 3 gian trát vách, lợp dạ do bố mẹ bà Gái làm; Năm 1995, do nhà xuống cấp bà Gái phá, xây lại nhà 3 gian, xây gạch lợp ngói để mẹ con bà Gái ở; Năm 2019, bà Gái phá 3 gian nhà xây gạch lợp ngói để xây nhà 2 tầng, một tum như hiện nay. Hiện nay bà Gái làm nhà ở và quản lý, sử dụng một phần thửa đất; anh Toản con ông Viên ở và quản lý sử dụng một phần thửa đất. (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Thửa đất ở số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2m2 (theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là của ông bà ngoại để lại cho bố mẹ bà Gái; sinh thời bố mẹ bà Gái ăn ở cùng các con tại thửa đất số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); trên đất có nhà 5 gian xây gạch lợp ngói và sân gạch làm khoảng năm 1960 – 1961, do bố mẹ bà Gái cùng các con làm; nhà và sân gạch hiện nay anh Phi là con ông Viên quản lý, sử dụng; trên đất còn có các công trình và các tài sản khác là của gia đình ông Viên. (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Thửa đất ao số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2 (theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là của ông bà ngoại bà Gái để lại cho bố mẹ bà Gái. Hiện nay ông Viên đã san lấp ao trồng bưởi và quản lý, sử dụng (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Thửa đất ao số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2 (theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là của ông bà ngoại bà Gái để lại cho bố mẹ bà Gái. Hiện nay ông Viên đã san lấp ao trồng bưởi và quản lý, sử dụng (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Trước khi bố mẹ bà Gái chết, bố mẹ bà Gái có nói cho bà Gái thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2 và thửa đất ao số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2. Vì khi đó bà Gái không có chồng và bà Gái vẫn ăn ở trên thửa đất cho đến nay. Sau khi bố bà Gái chết, ông Trịnh Văn Viên đã chiếm giữ thửa đất ở số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2; chiếm thửa đất ao số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2 (thửa đất có diện tích khoảng 2/5 là ao, còn 3/5 là đất bờ ao trồng tre, gò đất cao và đất cấy rau muống; Ao sâu hình lòng chảo, chỗ sâu nhất khoảng 2m) và chiếm thửa đất ao số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2; Toàn bộ là đất ao; Ao sâu hình lòng chảo; chỗ sâu nhất khoảng 1,5m,

trước đây trồng sen; Sau này ông Viên đổ đất lấp hai thửa đất này. Ngoài ra, ông Viên cùng các con ra chiếm giữ một phần thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2 để xây nhà; khi bà Gái xây nhà trên thửa đất này thì ông Viên ngăn cản không cho bà Gái xây và chửi bới đuổi bà Gái. Ngoài các thửa đất trên bố, mẹ bà Gái không có tài sản nào khác để lại; Bố, mẹ bà Gái chết không để lại di chúc về tài sản.

Do anh, chị em không thống nhất hòa giải được với nhau; bà Gái đã có đơn đề nghị UBND xã Thanh Lâm giải quyết; UBND xã Thanh Lâm tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà Gái yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bố mẹ bà Gái để lại là 04 thửa đất; không yêu cầu chia nhà 5 gian và sân gạch mà để lại cho gia đình ông Viên sở hữu, sử dụng. Bà Gái yêu cầu được hưởng trị giá 1/7 và yêu cầu hưởng bằng đất để bà Gái cùng các con có chỗ ở; Bà Gái và ông Viên có công quản lý, duy trì và tôn tạo đất; nên bà Gái yêu cầu được tính công sức cho bà Gái và ông Viên. Ông Viên có công san lấp ao nên bà Gái đề nghị tính công sức tôn tạo thửa đất cho ông Viên.

Về án phí giải quyết theo pháp luật; Ngoài ra, bà Gái không còn ý kiến gì thêm.

***Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 26/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trịnh Văn Viên trình bày*:**

* *Về quan hệ huyết thống*: Bố ông Viên là cụ Trịnh Văn Giã, sinh năm 1923, chết ngày 10/02/2001; Mẹ ông Viên là cụ Chu Thị Lanh, sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992. Bố mẹ ông Viên có 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Gái (Khuyên). Ngoài ra bố mẹ ông Viên không có con nào khác.

* *Về tài sản*: Nguồn gốc 04 thửa đất bà Gái khởi kiện ông Viên, cụ thể như sau:

1/ Đối với thửa đất ở số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Diện tích theo bản đồ đo đạc năm 1987); Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông Viên được chia 1954 (khi cải cách ruộng đất)

2/ Đối với thửa đất ở số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Diện tích theo bản đồ đo đạc năm 1987); Nguồn gốc thửa đất là của ông, bà ngoại ông Viên; sau này ông bà ngoại ông Viên đổi cho bố mẹ ông Viên; ông bà ngoại ông Viên đến ở thửa đất diện tích 262m2; bố mẹ ông Viên đến ở thửa đất diện tích 422m2 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Văn Viên).

3/ Đối với thửa đất ao số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Diện tích theo bản đồ đo đạc năm 1987); Nguồn gốc thửa đất là của ông, bà ngoại ông Viên; trong gia phả có ghi giao cho bố ông Viên quản lý, trông nom thu hoa lợi nuôi ông bà ngoại và lo mai táng ông, bà ngoại ông Viên sau này.

4/ Đối với thửa đất ao số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Diện tích theo bản đồ đo đạc

năm 1987); Nguồn gốc thửa đất là của ông, bà ngoại bán cho ông Viên khoảng 60 năm nay; ông Viên đã giao cho con là anh Trịnh Đình Phi và Trịnh Văn Toản mỗi người sử dụng 1/2 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Toàn bộ việc đổi đất và mua bán đất không có giấy tờ gì; nay bà Gái khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bố mẹ để lại là 04 thửa đất trên. Quan điểm của ông Viên là không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà Gái, vì:

1. Thửa đất ở số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2; Địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi mẹ ông Viên còn sống đã giao cho cháu Trịnh Văn Toản, mẹ ông đã chuyển hộ khẩu về cùng cháu Toản; Hiện nay cháu Toản và bà Gái đều làm nhà và mỗi người ở 1/2 nên không phải chia.

2. Thửa đất ở số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2; Địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Viên). Trên đất có nhà thờ 5 gian, làm từ năm 1960, để làm nơi thờ cúng nên không chia.

3. Thửa đất ao số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2; Địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); là đất hương hỏa ông Viên quản lý, trông nom thu hoa lợi để thờ cúng nên cũng không được chia.

4. Thửa đất ao số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2; Địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là của ông, bà ngoại bán cho ông Viên; ông Viên đã giao cho con là Trịnh Đình Phi và Trịnh Văn Toản mỗi người sử dụng 1/2 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Trịnh Đình Phi và Trịnh Văn Toản); thửa đất là của ông Viên nên ông Viên không phải chia thừa kế.

Ngoài các thửa đất trên, bố mẹ ông Viên có 01 nhà 5 gian trên thửa đất có diện tích 442m2, là nơi thờ cúng; Ngoài ra, bố mẹ ông Viên không có tài sản nào khác để lại. Ông Viên đề nghị Tòa án tính công sức quản lý, duy trì và tôn tạo thửa đất theo qui định của pháp luật. Về án phí giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, ông Viên không còn ý kiến gì thêm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***1/ Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu trình bày*:** Nhất trí như ý kiến, quan điểm của bà Gái. Quan điểm của bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu là: Nhất trí với yêu cầu của bà Gái về chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bố mẹ sau khi chết để lại là 04 thửa đất; không yêu cầu chia nhà 5 gian và sân gạch; Phần bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu được hưởng, bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu yêu cầu hưởng bằng hiện vật là đất.

Bà Gái và ông Viên có công quản lý, duy trì và tôn tạo đất; nên tính công sức cho bà Gái và ông Viên; Ông Viên có công tôn tạo ao đề nghị Tòa án tính công sức cho ông Viên theo qui định của pháp luật; Ngoài ra, bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu không còn ý kiến gì thêm. Về án phí giải quyết theo pháp luật

***2/ Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021 bà Trịnh Thị Bắc trình bày*:**

* *Về quan hệ gia đình*: Bố bà Bắc là cụ Trịnh Văn Giã, sinh năm 1923, chết ngày 10/02/2001; Mẹ bà Bắc là cụ Chu Thị Lanh, chết ngày 12/02/1992. Bố mẹ bà Bắc có 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên). Ngoài ra bố mẹ bà Bắc không có con nào khác.

* *Về tài sản*: Khi bố mẹ bà Bắc còn sống; bố mẹ bà Bắc có các tài sản sau: 01 thửa đất có ngôi nhà cổ gia đình ông Viên quản lý sử dụng; 02 thửa đất ao, hiện nay ông Viên đã san lấp trồng bưởi và 01 thửa đất hiện nay bà Gái quản lý sử dụng. Cụ thể số thửa, tờ bản đồ diện tích bà Bắc không rõ. Nay bà Gái yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết chia thừa kế đối với tài sản của bố mẹ bà Bắc để lại; bà Bắc đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật; nếu được chia thừa kế, phần của bà Bắc được hưởng, bà Bắc xin nhận; nếu được hưởng bằng đất, bà Bắc xin nhận bằng đất, nếu ai lấy đất thì trả bà Bắc bằng tiền.

***3/ Tại biên bản tự khai ngày 15/7/2021, anh Trịnh Đình Ngũ trình bầy*:**

* *Về quan hệ gia đình*: Anh Ngũ là con ông Trịnh Văn Viên.

* *Về tài sản*: Nguồn gốc tài sản tranh chấp chia thừa kế, giữa: Bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) với ông Trịnh Văn Viên thế nào, anh Ngũ không rõ cụ thể; Mọi ý kiến, quan điểm của ông Viên như thế nào thì ý kiến quan điểm của anh Ngũ như vậy; anh Ngũ không có tài sản gì trên đất tranh chấp. Anh Ngũ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, anh Ngũ không còn ý kiến gì thêm.

***4/ Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021,* anh Trịnh Đình Thảo trình bầy:**

* *Về quan hệ gia đình*: Anh Thảo là con ông Trịnh Văn Viên.

* *Về tài sản*: Nguồn gốc tài sản tranh chấp giữa: Bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) với ông Trịnh Văn Viên thế nào, anh Thảo không rõ cụ thể; Mọi ý kiến, quan điểm của ông Viên như thế nào thì ý kiến quan điểm của anh Thảo như vậy; anh Thảo không có tài sản gì trên đất tranh chấp. Anh Thảo đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh giải theo pháp luật. Ngoài ra, anh Thảo không còn ý kiến gì thêm.

***5/ Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2021, chị Nguyễn Kim Ngân, anh Nguyễn Minh Khánh, chị Hà Thị Kim Yến trình bầy*:**

* *Về quan hệ gia đình*: Chị Ngân, anh Khánh là con đẻ của bà Gái; chị Yến là con dâu bà Gái; hiện nay ăn ở cùng nhà với bà Gái.

* *Về tài sản*: Nguồn gốc tài sản tranh chấp chia thừa kế, giữa: Bà Trịnh Thị Gái với ông Trịnh Văn Viên như thế nào, chị Ngân, anh Khánh, chị Yến không rõ cụ thể. Đối với tài sản trên phần đất hiện nay bà Gái và chị Ngân, anh Khánh, chị Yến đang ở,

gồm có: Nhà hai tầng, trên tầng hai lợp mái tôn lạnh; mái tôn trước nhà; công trình phụ; nhà tắm, nhà vệ sinh; sân gạch; tường gạch; cổng sắt là của bà Gái làm và chị Ngân, anh Khánh, chị Yến có đóng góp xây dựng lên mà có.

Nay bà Gái yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bố mẹ bà Gái để lại.Quan điểm của chị Ngân, anh Khánh, chị Yến: Các tài sản chung của bà Gái và chị Ngân, anh Khánh, chị Yến gia đình tự giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Mọi ý kiến, quan điểm của bà Gái như thế nào thì ý kiến quan điểm của chị Ngân, anh Khánh, chị Yến như vậy. Chị Ngân, anh Khánh, chị Yến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, chị Ngân, anh Khánh, chị Yến không còn ý kiến gì thêm.

***6/ Bà Hoàng Thị Nhu, anh Trịnh Đình Phi, anh Trịnh Văn Toản, anh Trịnh Văn Hiền, chị Thuận, cháu Lễ, cháu Thanh, cháu Dương. Chị Hường, cháu Tùng, cháu Hương, cháu Thành*:** Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Toà án. Tại phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị Nhu, anh Trịnh Đình Phi, anh Trịnh Văn Toản, anh Trịnh Văn Hiền, chị Thuận, cháu Lễ, cháu Thanh, cháu Dương. Chị Hường, cháu Tùng, cháu Hương, cháu Thành vẫn vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến*:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng:

Ông Viên, anh Toản, anh Phi kháng cáo bản án sơ thẩm số số 06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là trong thời hạn kháng cáo. Anh Nguyễn Duy Thành đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy kháng cáo hợp lệ về hình thức.

Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án: Các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về thẩm quyền: Bản án sơ thẩm số số 06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Căn cứ Điều 38 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án thành phố Hà Nội đã thụ lý phúc thẩm và giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thụ lý và thông báo thụ lý: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã Thông báo việc thụ lý cho đương sự và VKS theo đúng qui định tại điều 285 BLTTDS.

Triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 294 BLTTDS

- Trình tự diễn biến tại phiên tòa đúng theo các quy định tại điều 297, điều 298, điều 302, điều 303, điều 305, điều 306 của BLTTDS;

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và anh Nguyễn Duy Thành thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, điều 71, điều 72, điều 73 BLTTDS năm 2015, bà bà Nguyễn Thị Ngọc Dung không tham gia phiên toà, vắng mặt không có lý do.

3. Về nội dung vụ án

Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS, Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm: không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[**1] Về tố tụng:** Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí theo quy định. Vì vậy, kháng cáo là hợp lệ về hình thức.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn,

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715

thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại.

2. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ngày 22/4/2025 bà Trịnh Thị Gái, bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Bắc đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít nhưng không có văn bản giấy tờ cho ai.

3. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

4. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn Lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 01/6/2022 giữa Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và cộng sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

5. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông Giã, bà Lanh để chia thừa kếlà chưa phù hợp.

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi chết vợ chồng cụ Long, cụ Tít chưa chuyển nhượng, tặng cho cho ai 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50. Vẫn là của cụ Long, cụ Tít để chia cho những người thừa kế của cụ. Bởi vì:

1. Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại.

Cụ Long, cụ Tít không có văn bản nào thể hiện đã tặng hay chuyển nhượng cho 3 thửa đất này cho bà Lanh, ông Giã. Việc bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu đều khai là cụ Long, cu Tít đã cho ông Giã, bà Lanh là không có căn cứ vì trong quá trình giải quyết vụ án các bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh.

người đang quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2. Anh Phi đã được Sở TN&MT Hà Nội cấp giấy CNQSD đất. QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Còn anh Toản đã được Sở Sở TN&MT Hà Nội cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2.

Vì vậy, thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 sẽ được pháp luật công nhận cho ông Viên. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2 sẽ được pháp luật công nhận anh Phi. Còn thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 sẽ được pháp luật công nhận anh Toản.

Từ nhận định trên HĐXX. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303,5 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc. Giá trị thửa đất là 2.428.000.000 đồng (303,5 m^2 x 8.000.000 đồng).

Do bà Gái và ông Viên đã xây dựng nhà trên thửa đất nêu trên, vì vậy:

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 nằm trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có giá trị là 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng; Trích công tôn tạo cho bà Gái trên phần diện tích đất bà Gái đang quản lý là: 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng x 1/3 = **462.666.667** đồng.

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có trị giá là 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng. Trích công tôn tạo cho ông Viên trên phần diện tích thửa đất mà anh Toản đang quản lý là: 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng x 1/3 = **346.666.667** đồng.

+ Sau khi trích công tôn tạo cho ông Viên **346.666.667** đồng; bà Gái **462.666.667** đồng thì số tiền còn lại là **1.616.666.333** đồng (2.428.000.000 đồng - 462.666.667 đồng - 346.666.667 đồng), chia cho 7 người, **mỗi người được hưởng 231.238.095** đồng.

+ Sau khi đối trừ, **ông Viên phải trả: 462.095.286** đồng (1.040.000.000 đồng – (346.666.667 đồng + 1.618.666.333 đồng)), b**à Gái phải trả**: **694.094.953 đồng** (1.388.000.000 đồng – (462.667.000 đồng + 231.238.047 đồng)) cho những người thừa kế khác gồm: bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gái về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vì 3 thửa đất này là của cụ Long, cụ Tít để lại chứ không phải là đất của bà Lanh, ông Giã.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Viên, anh Toản, anh Phi nên sửa bản án sơ thẩm số06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự trên 60 tuổi được miễn án phí do là người cao tuổi;.

Án phí phúc thẩm: Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số số 06/2022/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 129; Điều 278, Điều 500, Điều 501 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303,5 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc. Giá trị thửa đất là 2.428.000.000 đồng (303,5 m^2 x 8.000.000 đồng).

Do bà Gái và ông Viên đã xây dựng nhà trên thửa đất nêu trên, vì vậy:

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 nằm trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có giá trị là 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng; Trích công tôn tạo cho bà Gái trên phần diện tích đất bà Gái đang quản lý là: 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng x 1/3 = **462.666.667** đồng.

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có trị giá là 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng. Trích

công tôn tạo cho ông Viên trên phần diện tích thửa đất mà anh Toản đang quản lý là: 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng x 1/3 = **346.666.667** đồng.

+ Sau khi trích công tôn tạo cho ông Viên **346.666.667** đồng; bà Gái **462.666.667** đồng thì số tiền còn lại là **1.616.666.333** đồng (2.428.000.000 đồng - 462.666.667 đồng - 346.666.667 đồng), chia cho 7 người, **mỗi người được hưởng 231.238.095** đồng.

+ Sau khi đối trừ, **ông Viên phải trả: 462.095.286** đồng (1.040.000.000 đồng – (346.666.667 đồng + 1.618.666.333 đồng)), b**à Gái phải trả**: **694.094.953 đồng** (1.388.000.000 đồng – (462.667.000 đồng + 231.238.047 đồng)) cho những người thừa kế khác gồm: bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gái về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50.

3. *Về án phí*:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Gái, ông Viên, bà Điền, bà Hôngf, bà Hải, bà Bắc được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Duy Thành phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Duy Thành đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0021491 ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, được trừ vào án phí phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Thanh Bình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu do đương sự cung cấp thì đây là "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Theo qui định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự "Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện", khoản 1 "Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:", điểm a "Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình qui định tại Điều 26 ...của bộ luật này". Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

[3]Về thủ tục: Ông Viên, bà Bắc, bà Nhu, anh Phi, anh Toản, anh Ngũ, anh Thảo, anh Hiền, chị Ngân, anh Khánh, chị Yến, chị Thuận, cháu Lễ, cháu Thanh, cháu Dương. Chị Hường, cháu Tùng, cháu Hương, cháu Thành là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không đến Tòa án làm việc; tại phiên Tòa lần đầu và lần này vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[4] Về thời hiệu mở thừa kế: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự. Nhận thấy: Cụ Trịnh Văn Giã, chết ngày 10/02/2001; cụ Chu Thị Lanh, chết ngày 12/02/1992. Ngày 08/3/2021, bà Trịnh Thị Gái có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật sân sự năm 2015, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/09/1990 thì thời hiệu khởi kiện thực hiện theo khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990 và thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 10/09/1990. Như vậy, thời hiệu khởi kiện về yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Gái đối với phần tài sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự. Nhận thấy:

1. Đối với thửa số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2 (Theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ *Về nguồn gốc đất*: Các đương sự có lời khai thống nhất nguồn gốc thửa đất là do chính quyền địa phương giao cho cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Ông Viên có lời khai xác định, khi mẹ ông Viên còn sống đã giao cho cháu Trịnh Văn Toản; bà Gái có lời khai xác định trước khi bố mẹ bà Gái chết, bố mẹ bà Gái nói cho bà Gái thửa đất này. Ngoài lời khai của các bên đương sự, không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định cụ Giã và cụ Lanh đã cho ai thửa đất trên. Vì vậy, có cơ sở chứng cứ xác định thửa đất này là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh sau khi chết để lại.

+ *Về diện tích đất*: Theo bản đồ đo đạc năm 1987 thì thửa đất có số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262m2; theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất có số 490, tờ bản đồ

số 50, diện tích 279,5m2; Khi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có diện tích hiện trạng là 303,5m2. (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình sử dụng các đương sự và UBND xã Thanh Lâm xác định không có tranh chấp với ai và không có đơn thư khiếu nại tranh chấp của ai; đất bà Gái quản lý sử dụng một phần có diện tích hiện trạng 173,5m2; anh Toản (con ông Viên) quản lý sử dụng một phần có diện tích hiện trạng 130m2. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất có diện tích là 303,5m2 và là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Đất được Hội đồng định giá 8.000.000đồng/m2 x 303,5 m2 = 2.428.000.000đ.

* Đối với các tài sản trên phần đất bà Gái quản lý sử dụng, gồm có: Nhà hai tầng, một tum và các tài sản khác có trên phần đất bà Gái quản lý sử dụng hiện nay: Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định do bà Gái và các con bà Gái làm nên mà có. Vì vậy, xác định nhà hai tầng, một tum và các tài sản khác có trên phần đất bà Gái quản lý sử dụng là tài sản của bà Gái và các con bà Gái.

* Đối các tài sản trên phần đất anh Toản quản lý sử dụng, gồm có: Nhà cấp 4, lợp Prô xi măng và các tài sản khác có trên phần đất anh Toản quản lý sử dụng hiện nay: Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định do gia đình anh Toản làm nên mà có. Vì vậy, xác định nhà cấp 4, lợp Prô xi măng và các tài sản khác có trên phần đất anh Toản quản lý sử dụng là tài sản của gia đình anh Toản.

2. Đối với thửa số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2 (Theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ Về nguồn gốc đất: Các đương sự có lời khai thống nhất nguồn gốc thửa đất là của các cụ bên ngoại để lại cho cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Ngoài lời khai của các bên đương sự, không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định cụ Giã và cụ Lanh đã cho ai thửa đất trên. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh sau khi chết để lại.

+ Về diện tích đất: Theo bản đồ đo đạc năm 1987 thì thửa đất có số 707, tờ bản đồ số 02, diện tích 422m2; theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất có số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích 588,5 m2; Khi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có diện tích hiện trạng là 574,7m2. (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình sử dụng các đương sự và UBND xã Thanh Lâm xác định không có tranh chấp với ai và không có đơn thư khiếu nại tranh chấp của ai; Thửa đất hiện nay anh Phi (con ông Viên) quản lý sử dụng. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất có diện tích là 574,7m2 và là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Đất được Hội đồng định giá 7.000.000đồng/m2 x 574,7m2 = 4.022.900.000đ.

* Đối với các tài sản trên đất, gồm có: Nhà cấp bốn 5 gian xây gạch lợp ngói có trên đất hiện nay anh Phi (con ông Viên) quản lý, sử dụng: Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định nhà cấp bốn 5 gian xây gạch lợp ngói và sân gạch, do cụ Giã và cụ Lanh cùng các con làm. Vì vậy, xác định nhà 5 gian xây gạch lợp ngói và sân gạch là tài sản chung của cụ Giã và cụ Lanh cùng các con; nhà cấp bốn 5 gian được Hội đồng định giá 15.000.000đ và sân gạch 1.650.000đ. Các đương sự không yêu cầu chia mà để

cho ông Viên sở hữu, sử dụng. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia nhà 5 gian và sân gạch mà để lại cho gia đình ông Viên sở hữu, sử dụng.

Ngoài ra trên đất còn có công trình phụ, tường gạch, cổng và các tài sản khác cùng cây cối lâm lộc khác có trên phần đất anh Phi quản lý sử dụng hiện nay: Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định do gia đình anh Phi làm nên mà có. Vì vậy, xác định công trình phụ, tường gạch, cổng ng và các tài sản khác có trên phần đất anh Phi quản lý sử dụng là tài sản của gia đình anh Phi.

3. Đối với thửa số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2 (Theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ *Về nguồn gốc đất*: Các đương sự có lời khai thống nhất nguồn gốc thửa đất là của các cụ bên ngoại để lại cho cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Ông Viên có lời khai xác định thửa đất là của ông, bà ngoại ông Viên; trong gia phả có ghi giao cho bố ông Viên quản lý, trông nom thu hoa lợi nuôi ông bà ngoại và lo mai táng ông, bà ngoại ông Viên sau này; đất hương hỏa ông Viên quản lý, trông nom thu hoa lợi để thờ cúng nên không được chia. Ngoài lời khai của các bên đương sự, không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định cụ Giã và cụ Lanh đã cho ai thửa đất trên. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh sau khi chết để lại.

+ *Về diện tích đất*: Theo bản đồ đo đạc năm 1987 thì thửa đất có số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2; theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất có số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m2; Khi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có diện tích hiện trạng là 988,9 m2. (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình sử dụng các đương sự và UBND xã Thanh Lâm xác định không có tranh chấp với ai và không có đơn thư khiếu nại tranh chấp của ai. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất có diện tích là 988,9m2 và là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Đất được Hội đồng định giá 135.000đồng/m2 x 988,9m2 = 133.501.500đ.

* *Đối với các tài sản trên đất*, gồm có: 48 cây bưởi; tường gạch và cổng sắt; Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định là tài sản của ông Viên và gia đình ông Viên. Vì vậy, xác định 48 cây bưởi; tường gạch và cổng sắt có trên đất là tài sản của gia đình ông Viên. Hội đồng định giá 48 cây bưởi x 159.600đ/cây = 7.660.800đ; tường gạch = 21.033.000 và cổng sắt = 1.500.000đ

* *Về công tôn tạo, san lấp ao*: Căn cứ vào lời khai các bên đương sự và tài liệu thu thập được xác định thửa đất số 715, tờ bản đồ số 02, diện tích 1042m2, theo bản đồ đo đạc năm 1987; theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất có số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m2; Khi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có diện tích hiện trạng là 988,9 m2 là thửa đất ao; có diện tích khoảng 2/5 là ao, còn 3/5 là đất bờ ao trồng tre; gò đất cao và đất cấy rau muống; Ao sâu hình lòng chảo; chỗ sâu nhất khoảng 2m. Trong quá trình sử dụng gia đình ông Viên đã có công san lấp thửa ao để có diện tích như hiện nay; Vì vậy, có cơ sở chứng cứ xác định công sức san lấp, tôn tạo ao của gia đình ông Viên là 988,9m2 x 2/5 x sâu 2m x 55.000đ/m3 : 2 = 21.755.800đ.

4. Đối với thửa số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2 (Theo bản đồ đo đạc năm 1987); địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ Về nguồn gốc đất: Các đương sự có lời khai thống nhất nguồn gốc thửa đất là của các cụ bên ngoại để lại cho cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Ông Viên có lời khai xác định thửa đất là của ông, bà ngoại ông Viên đã bán cho ông Viên khoảng 60 năm nay nên thửa đất này là của ông Viên, không phải chia thừa kế. Ngoài lời khai của ông Viên, không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định cụ Giã và cụ Lanh đã bán cho ông Viên thửa đất này. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh sau khi chết để lại.

+ Về diện tích đất: Theo bản đồ đo đạc năm 1987 thì thửa đất có số 684, tờ bản đồ số 02, diện tích 1225m2; theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất có số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1391,3 m2; Khi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có diện tích hiện trạng là 1340,7 m2. (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình sử dụng các đương sự và UBND xã Thanh Lâm xác định không có tranh chấp với ai và không có đơn thư khiếu nại tranh chấp của ai. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất có diện tích là 1340,7 m2 và là tài sản chung của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh. Đất được Hội đồng định giá 135.000đồng/m2 x 1340,7m2 = 180.994.500đ.

* Đối với các tài sản trên đất, gồm có: 71 cây bưởi; rào lưới sắt bao quanh; Các bên đương sự có lời khai thống nhất xác định là tài sản của ông Viên và gia đình ông Viên. Vì vậy, xác định 71 cây bưởi và rào lưới sắt bao quanh có trên đất là tài sản gia đình ông Viên.

[6] Về di chúc: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự. Nhận thấy: Các đương sự đều có lời khai thống nhất xác định cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh chết không để lại di chúc và cũng không có ai cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh có để lại đi chúc về tài sản. Vì vậy, di sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh đợc chia thừa kế theo pháp luật.

[7] Về hàng thừa kế: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự. Nhận thấy: Cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh có 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Gái (Khuyên). Ngoài ra cụ Giã và cụ Lanh không có con nào khác. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Giã và cụ Lanh chỉ có 7 người con là bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Gái (Khuyên).

[8] Về công sức: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự. Nhận thấy: Gia đình bà Gái và gia đình ông Viên có công quản lý, duy trì, tôn tạo di sản do cụ Giã và cụ Lanh để lại sau khi hai cụ chết và nộp thuế sử dụng đất theo qui đinh của nhà nước. Vì vậy, trích công sức cho gia đình bà Gái và gia đình ông Viên bằng 1/3 di sản thừa kế là phù hợp; trong đó gia đình bà Gái quản lý 173,5m2 đất ở x 8.000.000đ/m2 = 1.388.000.000đ, trích công sức 1/3 = 462.667.000đ; gia đình

ông Viên quản lý 130m2 đất ở x 8.000.000đ/m2 = 1.040.000.000đ; 574,7m2 đất ở x 7.000.000đ/m2 = 4.022.900.000đ; 988,9m2 đấ ao x 135.000đ/m2 = 133.501.500đ và 1340,7m2 đất ao x 135.000đ/m2 = 180.994.500đ. Cộng = 5.377.396.000đ; trích công sức 1/3 = 1.792.465.000 đ

* Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên thửa đất đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2, gồm: Tường gạch trị giá 22.503.305đ; cổng sắt trị giá 1.500.000đ; 48 cây bưởi trị giá 7.660.800đ và công san lấp thửa đất ao trị giá 21.033.000đ. Tổng cộng = 52.697.105 đồng.

[9] Về chia thừa kế tài sản: Tài sản của cụ Giã và cụ Lanh sau khi trích công sức còn là 6.765.396.000 đồng - 2.255.132.000 đồng = 4.510.264.000 đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) mỗi ng-ời hởng 1/7 = 644.323.428 đồng.

- Tổng cộng bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) được hưởng là 1.110.990.428 đồng, gồm: Kỷ phần thừa kế 644.323.428 đồng và trích công sức 466.667.000 đồng.

- Tổng cộng Ông Trịnh Văn Viên được hưởng là 2.436.788.428 đồng, gồm: Kỷ phần thừa kế 644.323.428 đồng và trích công sức 1.792.465.000 đồng.

[10] Giao cho các bên nh sau:

1/ Giao cho ông Trịnh Văn Viên:

1. Quản lý và sử dụng 130 m2 đất ở trong thửa đất ở số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 130m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.040.000.000 đồng

2. Quản lý và sử dụng thửa đất ở số 470, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 574,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 574,7m2 x 7.000.000đ/m2 = 4.022.900.000 đồng

3. Quản lý và sử thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 1340,7m2 x 135.000đ/m2 = 180.994.500 đồng

Tổng cộng được giao trị giá là 5.243.894.500 đồng; So với kỷ phần được hưởng 2.436.788.428 đồng, còn thừa 2.807.106.072 đồng; ông Viên có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu. Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên đất được giao.

2/ Giao cho bà Trịnh Thị Gái (Khuyên):

1. Quản lý và sử dụng 173,5m2 đất trong thửa đất số 490, tờ bản đồ 50; diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 173,5m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.388.000.000 đồng;

2. Quản lý và sử dụng 190,2 m2 trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 190,2 m2 x 135.000đ/m2 = 25.677.000 đồng

Tổng cộng được giao trị giá là 1.413.677.000 đồng; So với kỷ phần được hưởng 1.106.990.428 đồng, còn thừa 306.68.572 đồng; bà Gái có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu mỗi người 61.337.314 đồng. Gia đình bà Gái sở hữu tài sản của gia đình bà Gái có trên đất ở được giao.

3/ Giao cho bà Trịnh Thị Điền:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 6.304.200 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 11.086.500 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 30.526.500 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 30.526.500 đồng, còn thiếu 613.796.928 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 552.459.614 đồng (Làm tròn số là 552.460.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

4/ Giao cho bà Trịnh Thị Hồng:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

5/ Giao cho bà Trịnh Thị Hải:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả

553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

6/ Giao cho bà Trịnh Thị Bắc:

- Quản lý và sử dụng 185,7m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 185,7m2 x 135.000đ/m2 = 25.069.500 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 292.125 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.074.425 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 30.143.925 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 30.143.925 đồng, còn thiếu 614.179.503 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.842.189 đồng (Làm tròn số là 553.842.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

7/ Giao cho bà Trịnh Thị Sửu:

- Quản lý và sử dụng 181m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 181m2 x 135.000đ/m2 = 24.435.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 608.788 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.391.088 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.826.088 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.826.088 đồng, còn thiếu 614.497.340 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.160.026 đồng (Làm tròn số là 553.160.000 đồng). Gia đình bà Sửu sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

[11] Về án phí dân sự**:** 114.765.000 đồng, trong đó: Bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) phải chịu 18.778.000 đồng; ông Trịnh Văn Viên phải chịu 41.337.000 đồng; bà Trịnh Thị Điền phải chịu 10.930.000 đồng; bà Trịnh Thị Hồng phải chịu 10.930.000 đồng; bà Trịnh Thị Hải phải chịu 10.930.000 đồng; bà Trịnh Thị Bắc phải chịu 10.930.000 đồng; bà Trịnh Thị Sửu phải chịu 10.930.000 đồng.

Theo quy định tại theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; "Khoản 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:…đ)…người cao tuổi.."; Theo Điều 2 Luật người cao tuổi "người cao tuổi được qui định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên"; bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc nay hơn 60 tuổi được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Khoản 3 Điều 100; Điều 203 Luật đất đai.

- Khoản 5 Điều 26, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Luật thi hành án dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 9 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) đối với ông Trịnh Văn Viên.

[1] Về thời hiệu thừa kế: Xác định cụ Trịnh Văn Giã, chết ngày 10/02/2001; cụ Chu Thị Lanh, chết ngày 12/02/1992. Thời hiệu mở thừa kế chia di sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh vẫn còn.

[2] Về tài sản thừa kế: Xác định tài sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh để lại, gồm:

1. Thửa đất ở số 490, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 2.428.000.000 đồng

2. Thửa đất ở số 470, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 574,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 4.022.900.000 đồng

3. Thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 133.501.500 đồng

4. Thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 1340,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 180.994.500 đồng

Tổng cộng trị giá = 6.765.396.000 đồng.

[3] Về di chúc: Xác định cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh đợc chia thừa kế theo pháp luật.

[4] Về hàng thừa kế: Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh, gồm có 7 người con là: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên).

[5] Về công sức:

- Trích công sức cho gia đình bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) bằng 1/3 trị giá tài sản thừa kế do gia đình bà Gái quản lý, sử dụng = 462.667.000đồng.

- Trích công sức cho gia đình ông Trịnh Văn Viên bằng 1/3 trị giá tài sản thừa kế do gia đình ông Viên quản lý, sử dụng = 1.792.465.000đồng.

- Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên thửa đất đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2, gồm: Tường gạch trị giá 22.503.305đ; cổng sắt trị giá 1.500.000đ; 48 cây bưởi trị giá 7.660.800đ và công san lấp thửa đất ao trị giá 21.033.000đ. Tổng cộng = 52.697.105 đồng)

[6] Về chia thừa kế tài sản:

- Di sản cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh để lại trị giá = 6.765.396.000 đồng. Trích công sức cho gia đình bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) = 462.667.000đồng; Trích công sức cho gia đình ông Trịnh Văn Viên = 1.792.465.000đồng; còn trị giá là 4.510.264.000đ đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên) mỗi ngời hởng 1/7 = 644.323.428 đồng.

* Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia nhà 5 gian và sân gạch mà để lại cho gia đình ông Viên sở hữu, sử dụng

[7] Giao cụ thể cho các bên nh sau:

1/ Giao cho ông Trịnh Văn Viên:

1. Quản lý và sử dụng 130 m2 đất trong thửa đất ở số 490, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 130m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.040.000.000 đồng.

2. Quản lý và sử dụng thửa đất ở số 470, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 574,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 574,7m2 x 7.000.000đ/m2 = 4.022.900.000 đồng.

3. Quản lý và sử dụng thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 1340,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 1340,7m2 x 135.000đ/m2 = 180.994.500 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 5.243.894.500 đồng; so với kỷ phần được hưởng 2.436.788.428 đồng và 52.697.105 đồng trị giá tài sản của gia đình ông Viên giao các hàng thừa kế, còn thừa 2.766.083.857 đồng (Làm tròn số 2.766.084.000 đồng); ông Viên có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị Điền 552.460.000 đồng; bà Trịnh Thị Hồng 553.811.000 đồng; bà Trịnh Thị Hải 553.811.000 đồng; bà Trịnh Thị Bắc 552.842.000 đồng; bà Trịnh Thị Sửu 553.160.000 đồng. Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên và các tài sản khác có trên đất được giao.

2/ Giao cho bà Trịnh Thị Gái (Khuyên):

1. Quản lý và sử dụng 173,5m2 đất trong thửa đất số 490, tờ bản đồ 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004); diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã

Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 173,5m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.388.000.000 đồng;

2. Quản lý và sử dụng 190,2 m2 trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 190,2 m2 x 135.000đ/m2 = 25.677.000 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 1.413.677.000 đồng; so với kỷ phần được hưởng 1.106.990.428 đồng, còn thừa 306.686.072 đồng; bà Gái có trách nhiệm thanh toán cho Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu mỗi người 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng).

3. Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Gái, gồm: Phần tường gạch trị giá 6.892.592 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 11.674.892 đồng; Bà Gái thanh toán trả ông Viên số tiền 11.674.892 đồng; làm tròn số 11.675.000 (Mười một triệu, sáu trăm bẩy mươi lăm nghìn) đồng. Gia đình bà Gái sở hữu tài sản của gia đình bà Gái và các tài sản khác có trên đất được giao.

3/ Giao cho bà Trịnh Thị Điền:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 6.304.200 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 11.086.500 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 30.526.500 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428 đồng, còn thiếu 613.796.928 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 552.459.614 đồng (Làm tròn số là 552.460.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất được giao.

4/ Giao cho bà Trịnh Thị Hồng:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả

553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

5/ Giao cho bà Trịnh Thị Hải:

- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

6/ Giao cho bà Trịnh Thị Bắc:

- Quản lý và sử dụng 185,7m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 185,7m2 x 135.000đ/m2 = 25.069.500 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 292.125 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.074.425 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 30.143.925 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 30.143.925 đồng, còn thiếu 614.179.503 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.842.189 đồng (Làm tròn số là 553.842.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

7/ Giao cho bà Trịnh Thị Sửu:

- Quản lý và sử dụng 181m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 181m2 x 135.000đ/m2 = 24.435.000 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 608.788 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.391.088 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.826.088 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.826.088 đồng, còn thiếu 614.497.340 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả

553.160.026 đồng (Làm tròn số là 553.160.000 đồng). Gia đình bà Sửu sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

* Có trích đo hiện trạng các thửa đất và sơ đồ giao đất kèm theo.

*Các tài sản khác và cây cối lâm lộc khác có trên phần đất của ai người đó được sở hữu.

[8] Về án phí:

- Bà Gái phải chịu án phí sơ thẩm là 18.778.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.071.000đ, theo biên lai thu số AA/2017/0009994 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh; bà Gái còn phải nộp tiếp 9.707.000 (Chín triệu, bẩy trăm lẻ bẩy nghìn) đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Bà Sửu phải chịu án phí sơ thẩm là 10.930.000 (Mười triệu, chín trăm ba mươi nghìn) đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Ông Viên, bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[9] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[10] Trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngời đợc thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c-ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đợc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[11] Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận
- Người tham gia tố tụng.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Mê Linh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Huy Duệ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 21 tháng 01 năm 2022.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Kim Lan
2/ Bà Trần Thị Ngọc Dung
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021.
Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản, giữa các đương sự.
- *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Gái (Khuyên)**, sinh năm 1964.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Ông **Trịnh Văn Viên** - Sinh năm 1945.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Bà **Trịnh Thị Điền**, sinh năm 1941 (chị bà Gái)
2/ Bà **Trịnh Thị Hồng**, sinh năm 1955 (chị bà Gái)
3/ Bà **Trịnh Thị Hải**, sinh năm 1958 (chị bà Gái)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
4/ Bà **Trịnh Thị Bắc**, sinh năm 1959 (chị bà Gái)
KHTT: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
5/ Bà **Trịnh Thị Sửu**, sinh năm 1962 (chị bà Gái)
6/ Bà **Hoàng Thị Nhu**, sinh năm 1943 (vợ ông Viên)
7/ Anh **Trịnh Đình Phi**, sinh năm 1974 (con ông Viên)
8/ Anh **Trịnh Văn Toản**, sinh năm 1977 (con ông Viên)
9/ Anh **Trịnh Đình Ngũ**, sinh năm 1979 (con ông Viên)
10/ Anh **Trịnh Đình Thảo**, sinh năm 1984 (con ông Viên)
11/ Anh **Trịnh Văn Hiền**, sinh năm 1987 (con ông Viên)

12/ Chị **Nguyễn Kim Ngân**, sinh năm 1990 (con bà Gái)
13/ Anh **Nguyễn Minh Khánh**, sinh năm 1994 (con bà Gái)
14/ Chị **Hà Thị Kim Yến**, sinh năm 1994 (con dâu bà Gái)
15/ Chị **Lê Thị Thuận**, sinh năm 1976 (vợ anh Phi)
16/ Cháu **Trịnh Xuân Lễ**, sinh năm 2000 (con anh Phi)
17/ Cháu **Trịnh Thị Thanh** Bình, sinh năm 2004 (con anh Phi)
18/ Cháu **Trịnh Thùy Dương**, sinh năm 2013 (con anh Phi)
19/ Chị **Nguyễn Thị Thúy Hường**, sinh năm 1984 (vợ anh Toản)
20/ Cháu **Trịnh Xuân Tùng**, sinh năm 2009 (con anh Toản)
21/ Cháu **Trịnh Thị Thùy Hương**, sinh năm 2011 (con anh Toản)
22/ Cháu **Trịnh Xuân Thành**, sinh năm 2015 (con anh Toản)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NH SAU:

Áp dụng:
- Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 1, Khoản 3 Điều 100; Điều 203 Luật đất đai.
- Khoản 5 Điều 26, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Luật thi hành án dân sự.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 9 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) đối với ông Trịnh Văn Viên.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[1] Về thời hiệu thừa kế: Xác định cụ Trịnh Văn Giã, chết ngày 10/02/2001; cụ Chu Thị Lanh, chết ngày 12/02/1992. Thời hiệu mở thừa kế chia di sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh vẫn còn.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[2] Về tài sản thừa kế: Xác định tài sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh để lại, gồm:

1. Thửa đất ở số 490, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 2.428.000.000 đồng

2. Thửa đất ở số 470, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 574,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 4.022.900.000 đồng
3. Thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 133.501.500 đồng
4. Thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, có diện tích đo đạc hiện trạng là 1340,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, có trị giá là 180.994.500 đồng
Tổng cộng trị giá = 6.765.396.000 đồng.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[3] Về di chúc: Xác định cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh đợc chia thừa kế theo pháp luật.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[4] Về hàng thừa kế: Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh, gồm có 7 người con là: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên).

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[5] Về công sức:
- Trích công sức cho gia đình bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) bằng 1/3 trị giá tài sản thừa kế do gia đình bà Gái quản lý, sử dụng = 462.667.000đồng.
- Trích công sức cho gia đình ông Trịnh Văn Viên bằng 1/3 trị giá tài sản thừa kế do gia đình ông Viên quản lý, sử dụng = 1.792.465.000đồng.
- Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên thửa đất đất ao số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2, gồm: Tường gạch trị giá 22.503.305đ; cổng sắt trị giá 1.500.000đ; 48 cây bưởi trị giá 7.660.800đ và công san lấp thửa đất ao trị giá 21.033.000đ. Tổng cộng = 52.697.105 đồng)

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[6] Về chia thừa kế tài sản:
- Di sản cụ Trịnh Văn Giã và cụ Chu Thị Lanh để lại trị giá = 6.765.396.000 đồng. Trích công sức cho gia đình bà Trịnh Thị Gái (Khuyên) = 462.667.000đồng; Trích công sức cho gia đình ông Trịnh Văn Viên = 1.792.465.000đồng; còn trị giá là 4.510.264.000đ đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho 7 người con, gồm: Bà Trịnh Thị Điền, ông Trịnh Văn Viên, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu và Trịnh Thị Gái (Khuyên) mỗi ngời hởng 1/7 = 644.323.428 đồng.
* Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia nhà 5 gian và sân gạch mà để lại cho gia đình ông Viên sở hữu, sử dụng

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[7] Giao cụ thể cho các bên nh sau:
1/ Giao cho ông Trịnh Văn Viên:

1. Quản lý và sử dụng 130 m2 đất trong thửa đất ở số 490, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 130m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.040.000.000 đồng.
2. Quản lý và sử dụng thửa đất ở số 470, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 574,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 574,7m2 x 7.000.000đ/m2 = 4.022.900.000 đồng.
3. Quản lý và sử dụng thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 1340,7m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 1340,7m2 x 135.000đ/m2 = 180.994.500 đồng.
Tổng cộng được giao trị giá là 5.243.894.500 đồng; so với kỷ phần được hưởng 2.436.788.428 đồng và 52.697.105 đồng trị giá tài sản của gia đình ông Viên giao các hàng thừa kế, còn thừa 2.766.083.857 đồng (Làm tròn số 2.766.084.000 đồng); ông Viên có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị Điền 552.460.000 đồng; bà Trịnh Thị Hồng 553.811.000 đồng; bà Trịnh Thị Hải 553.811.000 đồng; bà Trịnh Thị Bắc 552.842.000 đồng; bà Trịnh Thị Sửu 553.160.000 đồng. Gia đình ông Viên sở hữu tài sản của gia đình ông Viên và các tài sản khác có trên đất được giao.
2/ Giao cho bà Trịnh Thị Gái (Khuyên):
1. Quản lý và sử dụng 173,5m2 đất trong thửa đất số 490, tờ bản đồ 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004); diện tích đo đạc thực tế là 303,5m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 173,5m2 x 8.000.000đ/m2 = 1.388.000.000 đồng;
2. Quản lý và sử dụng 190,2 m2 trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 190,2 m2 x 135.000đ/m2 = 25.677.000 đồng.
Tổng cộng được giao trị giá là 1.413.677.000 đồng; so với kỷ phần được hưởng 1.106.990.428 đồng, còn thừa 306.686.072 đồng; bà Gái có trách nhiệm thanh toán cho Trịnh Thị Điền, bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Bắc, bà Trịnh Thị Sửu mỗi người 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng).
3. Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Gái, gồm: Phần tường gạch trị giá 6.892.592 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 11.674.892 đồng; Bà Gái thanh toán trả ông Viên số tiền 11.674.892 đồng; làm tròn số 11.675.000 (Mười một triệu, sáu trăm bẩy mươi lăm nghìn) đồng. Gia đình bà Gái sở hữu tài sản của gia đình bà Gái và các tài sản khác có trên đất được giao.
3/ Giao cho bà Trịnh Thị Điền:
- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh

Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.
- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 6.304.200 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 11.086.500 đồng.
Tổng cộng được giao trị giá là 30.526.500 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428 đồng, còn thiếu 613.796.928 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 552.459.614 đồng (Làm tròn số là 552.460.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất được giao.
4/ Giao cho bà Trịnh Thị Hồng:
- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.
- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.
Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.
5/ Giao cho bà Trịnh Thị Hải:
- Quản lý và sử dụng 144m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 144m2 x 135.000đ/m2 = 19.440.000 đồng.
- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 4.202.800 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng; 1/2 cổng sắt 750.000 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 9.735.100 đồng.
Tổng cộng được giao trị giá là 29.175.100 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.175.100 đồng, còn thiếu 615.148.328 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.811.014 đồng (Làm tròn số là 553.811.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.
6/ Giao cho bà Trịnh Thị Bắc:
- Quản lý và sử dụng 185,7m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 185,7m2 x 135.000đ/m2 = 25.069.500 đồng.

- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 292.125 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.074.425 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 30.143.925 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 30.143.925 đồng, còn thiếu 614.179.503 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.842.189 đồng (Làm tròn số là 553.842.000 đồng). Gia đình bà Điền sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

7/ Giao cho bà Trịnh Thị Sửu:

- Quản lý và sử dụng 181m2 đất trong thửa đất ao số 511, tờ bản đồ số 50 (theo bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích đo đạc thực tế là 988,9m2; địa chỉ: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có trị giá là 181m2 x 135.000đ/m2 = 24.435.000 đồng.
- Sở hữu tài sản của gia đình ông Viên có trên phần đất ao được giao cho bà Điền, gồm: Phần tường gạch trị giá 608.788 đồng; 8 cây bưởi trị giá 1.276.800 đồng và 3.505.500 đồng tiền công san lấp ao. Cộng = 5.391.088 đồng.

Tổng cộng được giao trị giá là 29.826.088 đồng; so với kỷ phần được hưởng 644.323.428đ - 29.826.088 đồng, còn thiếu 614.497.340 đồng do bà Gái thanh toán trả số tiền 61.337.314 đồng (Làm tròn số là 61.337.000 đồng) và ông Viên thanh toán trả 553.160.026 đồng (Làm tròn số là 553.160.000 đồng). Gia đình bà Sửu sở hữu tài sản có trên đất ở được giao.

* Có trích đo hiện trạng các thửa đất và sơ đồ giao đất kèm theo.

*Các tài sản khác và cây cối lâm lộc khác có trên phần đất của ai người đó được sở hữu.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[8] Về án phí:

- Bà Gái phải chịu án phí sơ thẩm là 18.778.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.071.000đ, theo biên lai thu số AA/2017/0009994 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh; bà Gái còn phải nộp tiếp 9.707.000 (Chín triệu, bẩy trăm lẻ bẩy nghìn) đồng để sung công quỹ nhà nước.
- Bà Sửu phải chịu án phí sơ thẩm là 10.930.000 (Mười triệu, chín trăm ba mươi nghìn) đồng để sung công quỹ nhà nước.
- Ông Viên, bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[9] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[10] Trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngời đợc thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đợc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

[11] Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đông xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**
Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 11 tháng 01 năm 2022.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Kim Lan
2/ Bà Trần Thị Ngọc Dung
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021.
Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản, giữa các đương sự.
- *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Gái (Khuyên)**, sinh năm 1964.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Ông **Trịnh Văn Viên** - Sinh năm 1945.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Bà **Trịnh Thị Điền**, sinh năm 1941 (chị bà Gái)
2/ Bà **Trịnh Thị Hồng**, sinh năm 1955 (chị bà Gái)
3/ Bà **Trịnh Thị Hải**, sinh năm 1958 (chị bà Gái)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
4/ Bà **Trịnh Thị Bắc**, sinh năm 1959 (chị bà Gái)
KHTT: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
5/ Bà **Trịnh Thị Sửu**, sinh năm 1962 (chị bà Gái)
6/ Bà **Hoàng Thị Nhu**, sinh năm 1943 (vợ ông Viên)
7/ Anh **Trịnh Đình Phi**, sinh năm 1974 (con ông Viên)
8/ Anh **Trịnh Văn Toản**, sinh năm 1977 (con ông Viên)
9/ Anh **Trịnh Đình Ngũ**, sinh năm 1979 (con ông Viên)
10/ Anh **Trịnh Đình Thảo**, sinh năm 1984 (con ông Viên)
11/ Anh **Trịnh Văn Hiền**, sinh năm 1987 (con ông Viên)
12/ Chị **Nguyễn Kim Ngân**, sinh năm 1990 (con bà Gái)
13/ Anh **Nguyễn Minh Khánh**, sinh năm 1994 (con bà Gái)
14/ Chị **Hà Thị Kim Yến**, sinh năm 1994 (con dâu bà Gái)
15/ Chị **Lê Thị Thuận**, sinh năm 1976 (vợ anh Phi)
16/ Cháu **Trịnh Xuân Lễ**, sinh năm 2000 (con anh Phi)
17/ Cháu **Trịnh Thị Thanh** Bình, sinh năm 2004 (con anh Phi)
18/ Cháu **Trịnh Thùy Dương**, sinh năm 2013 (con anh Phi)
19/ Chị **Nguyễn Thị Thúy Hường**, sinh năm 1984 (vợ anh Toản)
20/ Cháu **Trịnh Xuân Tùng**, sinh năm 2009 (con anh Toản)
21/ Cháu **Trịnh Thị Thùy Hương**, sinh năm 2011 (con anh Toản)
22/ Cháu **Trịnh Xuân Thành**, sinh năm 2015 (con anh Toản)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội.
Sau khi thảo luận các thành viên hội đồng xét xử thảo luận biểu quyết, quyết định các vấn đề của vụ án như sau:
Xét thấy: Tại phiên tòa bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.
Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 233 Điều 235; Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021. Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.
2/ Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:
Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Mê Linh.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Thảo luận kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 11 tháng 01 năm 2022.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán** **Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Kim Lan

2/ Bà Trần Thị Ngọc Dung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021. Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản, giữa các đương sự.
- *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Gái (Khuyên)**, sinh năm 1964.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Ông **Trịnh Văn Viên** - Sinh năm 1945.
KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Bà **Trịnh Thị Điền**, sinh năm 1941 (chị bà Gái)
2/ Bà **Trịnh Thị Hồng**, sinh năm 1955 (chị bà Gái)
3/ Bà **Trịnh Thị Hải**, sinh năm 1958 (chị bà Gái)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
4/ Bà **Trịnh Thị Bắc**, sinh năm 1959 (chị bà Gái)
KHTT: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chỗ ở: thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
5/ Bà **Trịnh Thị Sửu**, sinh năm 1962 (chị bà Gái)
6/ Bà **Hoàng Thị Nhu**, sinh năm 1943 (vợ ông Viên)
7/ Anh **Trịnh Đình Phi**, sinh năm 1974 (con ông Viên)
8/ Anh **Trịnh Văn Toản**, sinh năm 1977 (con ông Viên)
9/ Anh **Trịnh Đình Ngũ**, sinh năm 1979 (con ông Viên)
10/ Anh **Trịnh Đình Thảo**, sinh năm 1984 (con ông Viên)
11/ Anh **Trịnh Văn Hiền**, sinh năm 1987 (con ông Viên)
12/ Chị **Nguyễn Kim Ngân**, sinh năm 1990 (con bà Gái)
13/ Anh **Nguyễn Minh Khánh**, sinh năm 1994 (con bà Gái)
14/ Chị **Hà Thị Kim Yến**, sinh năm 1994 (con dâu bà Gái)
15/ Chị **Lê Thị Thuận**, sinh năm 1976 (vợ anh Phi)
16/ Cháu **Trịnh Xuân Lễ**, sinh năm 2000 (con anh Phi)
17/ Cháu **Trịnh Thị Thanh** Bình, sinh năm 2004 (con anh Phi)
18/ Cháu **Trịnh Thùy Dương**, sinh năm 2013 (con anh Phi)
19/ Chị **Nguyễn Thị Thúy Hường**, sinh năm 1984 (vợ anh Toản)
20/ Cháu **Trịnh Xuân Tùng**, sinh năm 2009 (con anh Toản)
21/ Cháu **Trịnh Thị Thùy Hương**, sinh năm 2011 (con anh Toản)
22/ Cháu **Trịnh Xuân Thành**, sinh năm 2015 (con anh Toản)
Đều có KHTT: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội
Đều có chỗ ở: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội.
Sau khi thảo luận các thành viên hội đồng xét xử thảo luận biểu quyết, quyết định các vấn đề của vụ án như sau:
Xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hồng, bà Trịnh Thị Hải, anh Trịnh Văn Toản, anh Trịnh Đình Ngũ, anh

Trịnh Đình Thảo có mặt; Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 233 Điều 235; Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021. Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

2/ Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Mê Linh.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Thảo luận kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đông xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán** **Chủ tọa phiên tòa**

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm là có căn cứ. Bởi các lý do sau:

Thứ nhất: **Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.**

Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông Giã, bà Lanh để chia thừa kế cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh là trái pháp luật. Bởi vì:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại phiên tòa ngày 22/4/2025 bà Trịnh Thị Gái, bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Thị Bắc đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít nhưng không có văn bản giấy tờ cho ai.

3. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và

715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

4. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn Lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 01/6/2022 giữa Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và cộng sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

5. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Việc cụ Lanh, ông Viên, bà Khuyên, bà Quyên nào đó đứng tên trên các thửa đất của cụ Long, cụ Tít để lại, đều là tự ý kê khai, không có giấy tờ chứng cứ nào thể hiện sự tặng cho, chuyển nhượng quyền sử đất, nên đều không có giá trị pháp lý. Nên 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít.

Như vậy, Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông Giã, bà Lanh để chia thừa kế cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh là trái pháp luật.

Thứ hai: **Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi chết vợ chồng cụ Long, cụ Tít chưa chuyển nhượng, tặng cho cho ai 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50. Vẫn là của cụ Long, cụ Tít để chia cho những người thừa kế của cụ.** Bởi vì:

1. Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại.

2. Căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã "trông nom" toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao. Theo từ điểm tiếng việt, ***"Trông nom" có nghĩa là để ý đến, chăm***

sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, ***Đồng nghĩa: coi ngó, trông coi, chứ không phải là tặng cho****.*

Ngoài bản sổ Phả ký hộ Chu do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 thì cụ Long, cụ Tít không có văn bản nào thể hiện đã tặng hay chuyển nhượng cho 3 thửa đất này cho bà Lanh, ông Giã. Việc bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu đều khai là cụ Long, cu Tít đã cho ông Giã, bà Lanh là không có căn cứ vì trong quá trình giải quyết vụ án các bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh.

Mặt khác tại K 1 - Điều 188 – BLDS có quy định:

"1. Khi chủ sở hữu giao tài sản cho người khác thông qua giao dịch dân sự ***mà nội dung không bao gồm việc chuyển quyền sở hữu thì người được giao tài sản phải thực hiện việc chiếm hữu tài sản đó phù hợp với mục đích, nội dung của giao dịch."***

Như vậy, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) và căn cứ vào quy định trên của pháp luật thì không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 07; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xác định: 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít đã cho cụ ông Giã, bà Lanh, để chia 3 thửa đất này cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là trái pháp luật.

Thứ ba: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng là trái pháp luật do đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi thửa đất ao 432 đã chia làm 2 thửa là** 432 -1 và 432 -2. **Thửa là** 432 -1 Sở TN&MT thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản vào ngày 03/6/2017. **Thửa là** 432 -2, Sở TN&MT Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi vào ngày 03/6/2017. Hiện nay các giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7

m^2 là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Thứ tư: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã không công nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho ông Viên, anh Toản, anh Phi, mà chia cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là vi phạm Khoản 1 - Điều 623 – BLDS là trái pháp luật.** Bởi vì:

1. Thưa HĐXX! Như tôi đã chứng minh ở trên thì hiện nay 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là di sản thừa kế của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của cụ Long, cụ Tít. Nhưng do cụ Long chết năm 1984. Cụ Tít chết năm 1979.

Theo quy định tại k 1 - Điều 623 – BLDS thì *"Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế..."*

Căn cứ vào phần I - Công văn giải đáp số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao thì: thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với bất động sản (trừ di sản là nhà ở) là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 đến hết ngày 10/9/2020. Như vậy, thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít đã hết từ ngày 11/9/2020.

2. Căn cứ khoản 1 - Điều 2; K 2, điều 17; điều 18 – Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và phần 1, Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với nhà ở của cụ Long, cụ Tít hết thời hiệu khởi kiện từ ngày 11/3/2023. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và các đương sự tự nguyện cùng nhau thống nhất không chia ngôi nhà 5 gian và sân gạch do cụ Long, cụ Tít mà để lại cho ông Viên quản lý, sở hữu sử dụng. Nên tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao cho ông Viên quản lý sử dụng ngôi nhà ở và sân do các cụ để lại là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Căn cứ vào Khoản 1, Điều 623, BLDS năm 2015 và mục 2, phần III, Công văn hướng dẫn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của TAND Tối cao thì 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 sẽ thuộc về những người thừa kế đang quản lý sử dụng di sản đó.

+ Theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS thì ông Viên là người những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít. Theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít.

Hiện nay ông Viên – Người thừa kế của cụ Long, cụ Tít là người đang quản lý thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2.

Còn anh Phi và anh Toản – Người thừa kế của cụ Long, cụ Tít là người đang quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2. Anh Phi đã được Sở TN&MT Hà Nội cấp giấy CNQSD đất. QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Còn anh Toản đã được Sở Sở TN&MT Hà Nội cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2.

Vì vậy, thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 sẽ được pháp luật công nhận cho ông Viên. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2 sẽ được pháp luật công nhận anh Phi. Còn thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 sẽ được pháp luật công nhận anh Toản.

Như vậy, bản án tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 nêu trên cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Giã, bà Lanh mà không công nhận cho ông Viên; anh Toản, anh Phi là hoàn toàn trái pháp luật.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Toản, anh trinh Văn Phi. Tôi thấy việc ông Viên, anh Toản, anh Phi kháng cáo bản án sơ thẩm là có căn cứ.

- Căn cứ **K 1 - Điều 188;** điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS;

- Căn cứ khoản 1 - Điều 2; K 2, điều 17; điều 18 – Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

- Căn cứ vào phần I - Công văn giải đáp số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao;

- Căn cứ mục 2, phần III, Công văn hướng dẫn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của TAND Tối cao

- K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS. Tôi đề nghị HĐXX Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303,5 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc. Giá trị thửa đất là 2.428.000.000 đồng (303,5 m^2 x 8.000.000 đồng).

Do bà Gái và ông Viên đã xây dựng nhà trên thửa đất nêu trên, vì vậy đề nghị HĐXX:

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 nằm trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có giá trị là 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng; Trích công tôn tạo cho bà Gái trên phần diện tích đất bà Gái đang quản lý là: 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng x 1/3 = **462.666.667** đồng.

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50 có trị giá là 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng. Trích công tôn tạo cho ông Viên trên phần diện tích thửa đất mà anh Toản đang quản lý là: 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng x 1/3 = **346.666.667** đồng.

+ Sau khi trích công tôn tạo cho ông Viên **346.666.667** đồng; bà Gái **462.666.667** đồng thì số tiền còn lại là **1.616.666.333** đồng (2.428.000.000 đồng - 462.666.667 đồng - 346.666.667 đồng), chia cho 7 người, **mỗi người được hưởng 231.238.095** đồng.

+ Sau khi đối trừ, **ông Viên phải trả: 462.095.286** đồng (1.040.000.000 đồng – (346.666.667 đồng + 1.618.666.333 đồng)), b**à Gái phải trả**: **694.094.953 đồng** (1.388.000.000 đồng – (462.667.000 đồng + 231.238.047 đồng)) cho những người thừa kế khác gồm: bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Gái về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vì 3 thửa đất này là của cụ Long, cụ Tít để lại chứ không phải là đất của bà Lanh, ông Giã.

3. Căn cứ điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS:

- Công nhận cho ông Viên được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 470, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 707, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 574,7 m^2 đất ở, đã

được sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641242 cho ông Trịnh Văn Viên ngày 30/9/2014 (với trị giá **4.022.900.0000** đồng) vì là đất ;

- Công nhận cho ông Viên quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50 (tức thửa đất số 715, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 988,9 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, với giá trị là **133.501.500** đồng;

- Công nhận cho anh Toản quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 676,1 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, mà Sở TN&MT Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản ngày 03/6/2017, với trị giá: 676,1 m^2 X 135.000 đồng/m^2 = **91.273.500** đồng;

- Công nhận cho anh Phi quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 678,7 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, mà Sở TN&MT Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi ngày 03/6/2017, với trị giá: 678,7 m^2 X 135.000 đồng/m^2 = **91.624.500** đồng;

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

Câu hỏi

1. Hỏi các đương sự về nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít có đúng không?
2. Cụ Long cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh 3 thửa đất nêu trên chưa ?
3. Thể hiện bằng văn bản giấy tờ nào ?
4. Cụ Long, cụ Tít có 2 người con là bà Lanh và bà Lung có đúng không ?
5. Bà Lanh kết hôn với ông Giã có mấy người con ? gồm những ai ?
6. Bà Lung kết hôn với ông Thăng có mấy người con ? gồm những ai ?
7. Hiện nay ông Viên là người sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 có đúng không ?
8. Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2 đã được tách làm 2 có đúng không ?
9. Anh Toản là người đang sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất này có đúng không ?
10. Còn anh Phi là người đang sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất này có đúng không ?
11. Hai giấy chứng QSD đất cấp cho anh Toản, anh Phi có bị hủy không ? Vẫn có hiệu lực có đúng không ?

Các thửa đất đang tranh chấp

1. Thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303,5 m^2) ;
2. Thửa đất 470, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 707, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 574,7 m^2 đất ở, đã được sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641242 cho ông Trịnh Văn Viên ngày 30/9/2014;
3. Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50 (tức thửa đất số 715, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 988,9 m^2 đất nuôi trồng thủy sản. (Chưa được cấp giấy chứng nhận);
4. Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 676,1 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, mà Sở TN&MT Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản ngày 03/6/2017;
5. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 678,7 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, mà Sở TN&MT Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi ngày 03/6/2017.

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM (mới nhất)

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ. Bởi các lý do sau:

Thứ nhất: **Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít.** Cụ thể:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại biên bản thẩm định ngày 11/4/2023 của TAND thành phố Hà Nội. Tất cả các đương sự đều thừa nhận 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại (Là cụ Long và cụ Tít) để lại.

3. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 đều có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

4. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự:

- Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long;

- Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột

- Và ông Chu Văn Lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ

Tất cả các ông bà trên đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên.

5. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì **thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long.** Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên.

Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít để lại. Ông Viên, anh Toản, anh Phi đang là người đang quản lý ngay tình. Bản án sơ thẩm xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông Giã, bà Lanh để lại, để chia thừa kế theo pháp luật cho những thừa kế của ông Giã, bà Lanh là hoàn toàn trái pháp luật.

Thứ hai: **Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi chết vợ chồng cụ Long chưa chuyển nhượng, tặng 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho bất kỳ ai. Vẫn là của cụ Long, cụ Tít để chia cho những người thừa kế của cụ.** Bởi vì:

Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại.

Mặc dù bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu đều khai là cụ Long, cu Tít đã cho ông Giã, bà Lanh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh.

Ngược lại, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) do ông Viên cung cấp cho tòa lại thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao để trông nom, chứ không có việc cụ Long, cụ Tít tặng cho nhà đất, ao, ruộng cho ông Giã, bà Lanh như các bà chị gái, em gái ông Viên đã trình bầy. Bởi vì theo từ điểm tiếng việt, **"Trông nom"** có nghĩa là để ý đến, chăm sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, Đồng nghĩa**: coi ngó, trông coi,** chứ không phải là tặng cho.

Như vậy, không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số

50 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

Năm 1979 cụ Tít chết. Năm 1984 chị Long chết. Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên cho bất kỳ ai.

Như vậy, đến thời điểm này 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của các cụ.

***Thứ ba*: Thời hiệu chia thừa kế đối với 3 thửa đất 707; 684 và 715 tờ bản đồ số 2 năm 1987, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế đã hết từ ngày 10/9/2020 (trước thời điểm bà Gái khởi kiện - ngày 8/3/2021 là 6 tháng),** Bởi vì:

Khoản 1 - Điều 623 – BLDS có quy định về thời hiệu thừa kế như sau:

"1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó."

Thưa HĐXX! Như tôi đã chứng minh ở trên thì hiện nay 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của cụ Long, cụ Tít. Nhưng do cụ Long chết năm 1984. Cụ Tít chết năm 1979.

Tại công văn giải đáp số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao có hướng dẫn như sau:

"Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990."

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn trên của TAND tối cao thì: thời hiệu yêu cầu chia thừa kế **Đối với bất động sản (trừ di sản là nhà ở)** là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 đến hết ngày 10/9/2020. Như vậy, đối với 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản

đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế kể đã hết từ ngày 11/9/2020.

Tại công văn giải đáp số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao có hướng dẫn rất cụ thể:

"Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01-7-1991 ***và di sản là nhà ở*** *thì thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia; thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-9-2006 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia."*

Căn cứ vào quy định trên thì **chỉ riêng đối với di sản là nhà ở** của cụ Long và cụ Tít để lại thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà của cụ Long và cụ Tít để lại cũng đã hết từ ngày 10/3/2023 (vì không có người thừa kế định cư ở nước ngoài). Mặt khác, **trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và các đương sự tự nguyện cùng nhau thống nhất không chia ngôi nhà 5 gian và sân gạch do cụ Long, cụ Tít để lại.** Nên tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao cho ông Viên quản lý sử dụng ngôi nhà ở và sân do các cụ để lại là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quy định tại k1, điều 623 – BLDS *(Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó)* thì 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 sẽ thuộc về những người thừa kế đang quản lý sử dụng di sản đó, trong đó có ông Viên là người những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS). Anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS).

Hiện nay ông Viên đang quản lý thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Còn anh Phi và anh Toản đang là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2. Anh Phi đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất. QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Còn anh Toản đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2.

Vì vậy, thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 thuộc về ông Viên. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2 thuộc về anh Phi. Còn thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 thuộc về anh Toản.

Như vậy, đề nghị HĐXX Phúc Thẩm sửa bản án sơ thẩm:

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2;

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

***Thứ tư*: Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng, đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Toản, anh Phi đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này, chưa bị cơ quan có thẩm quyền tuyên hủy là trái pháp luật.** Bởi vì:

Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 đã được chia làm 2 thửa là 432 -1 và thửa 432-2. Cùng ngày 03/6/2017, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản đối với thửa đất 432 -1 và Cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi đối với thửa đất 432 -2. Hai giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này. Trong vụ án này nguyên đơn cũng không yêu cầu tòa án hủy 2 giấy chứng nhận này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Phi và anh Toản đã được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi đề nghị HĐXX:

- Áp dụng K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, **Chia thừa kế giá trị thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh** để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 nằm trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, trích công tôn tạo cho bà gái trên phần diện tích đất bà đang quản lý là: 173,5 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.388.000.000 đồng x 1/3 = **462.667.000** đồng.

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Trích công tôn tạo cho ông Viên trên phần diện tích thửa đất này anh Toản đang quản lý là: 130 m^2 X 8.000.000 đồng/m^2 = 1.040.000.000 đồng x 1/3 = **346.666.667** đồng.

+ Sau khi trích công tôn tạo cho ông Viên, bà Gái, còn lại số tiền 1.618.666.333 đồng (2.428.000.000 đồng - 462.667.000 đồng - 346.666.667 đồng), chia cho 7 người, **mỗi người được hưởng 231.238.047** đồng.

+ Sau khi đối trừ, **ông Viên phải trả: 462.095.286** đồng (1.040.000.000 đồng – (346.666.667 đồng +1.618.666.333 đồng)), b**à Gái phải trả**: **694.094.953 đồng** (1.388.000.000 đồng – (462.667.000 đồng + 231.238.047 đồng)) cho những người thừa kế khác gồm: bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc. Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc mỗi người được thừa kế

2. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS; Điểm b, c khoản 1, điều 651 – BLDS. Căn cứ công văn giải đáp số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tối cao. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Gái đối với 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long, cụ Tít để lại, do hết thời hiệu chia thừa kế:

- Giao cho ông Viên được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 707, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 574,7 m^2 đất ở, đã được sở tài nguyên và môi trường cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản

gắn liền với đất số CG 641242 cho ông Trịnh Văn Viên ngày 15/ /2017, với trị giá **4.022.900.0000** đồng;

- Giao cho ông Viên được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50 (tức thửa đất số 715, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 988,9 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, với giá trị là **133.501.500** đồng;

- Giao cho anh Toản được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50 (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987), diện tích 676,1 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản ngày 03/6/2017, với trị giá: 676,1 m^2 X 135.000 đồng/m^2 = **91.273.500** đồng;

- Giao cho anh Phi được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, (là thửa đất 687, tờ bản đồ số 02 năm 1987) diện tích 678,7 m^2 đất nuôi trồng thủy sản, đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi ngày 03/6/2017, với trị giá: 678,7 m^2 X 135.000 đồng/m^2 = **91.624.500** đồng;

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

***Thứba*: Thờihiệu chia thừakế đốivới 3 thửađất 707; 684 và 715 tờbảnđồsố 2 năm 1987, nay làthửađất 470, 432, 511, tờbảnđồsố 50 củacụ Long, cụTítđểlạichonhữngngườithừakếđãhếttừngày 10/9/2020 (trướcthờiđiểmbàGáikhởikiện - ngày 8/3/2021 là 6 tháng),** Bởivì:

1. Khoản 1 - Điều 623 – BLDS cóquyđịnhvềthờihiệuthừakếnhưsau:

"1. Thờihiệuđểngườithừakếyêucầu chia di sảnlà 30 nămđốivớibấtđộngsản, 10 nămđốivớiđộngsản, kểtừthờiđiểmmởthừakế. Hếtthờihạnnày thì di sảnthuộcvềngườithừakếđangquảnlý di sảnđó."

Thưa HĐXX! Nhưtôiđãchứng minh ở trên thì hiện nay 3 thửađất 707; 684 và 715, tờbảnđồsố 2 nay làthửađất 470, 432, 511, tờbảnđồsố 50 vẫnlàtàisảncủacụ Long,

cụTítđểlạichonhữngngườithừakếcủacụ Long, cụTít. Nhưng do cụ Long chếtnăm 1984. CụTítchếtnăm 1979.

+ Tạicôngvăngiảiđápsốvấnđềnghiệpvụsố 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của TAND tốicaocóhướngdẫnnhưsau:

"Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990."

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn trên của TAND tối cao thì:thời hiệu yêu cầu chia thừa kế **Đối với bất động sản (trừ di sản là nhà ở)** là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 đến hết ngày 10/9/2020. Như vậy, đối với 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế kể đã hết từ ngày 11/9/2020.

2. Khoản 2, điều 17 – Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội có quy đinh:

*"2. Thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 1996 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực không tính vào thời hiệu trong thủ tục giải quyết các vụ án dân sự **đối với giao dịch dân sự về nhà ở** được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991".*

Điều 18 – Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội có quy đinh về điều khoản thi hành như sau:

"Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1999."

Tại khoản 1 - Điều 2 - Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì **phạm vi áp dụngchỉ đối với các giao dịch dân sự đối với ngôi nhà ở nằm trên đất***(1.Nghị quyết này được áp dụng đối với các giao dịch dân sự về nhà ở đang thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991 giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức, bao gồm:a) Thuê nhà ở;b) Cho mượn, cho ở nhờ nhà ở; c) Mua bán nhà ở; d) Đổi nhà ở; đ) Tặng cho nhà ở; **e) Thừa kế nhà ở;** g) Quản lý nhà ở vắng chủ giữa cá nhân với cá nhân.).* mà không áp dụng đối với các giao dịch liên quan đối với diện tích đất ở đã xây dựng lên ngôi nhà trên đó.

Từ các quy định trên của nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mà tại phần 1, Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn:

"Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01-7-1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-

01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia;".

Như vậy, hướng dẫn trên của Tòa án nhân dân tối cao chỉ hướng dẫn về thừa kế **đối với nhà ở (không hướng dẫn với đất ở đã xây dựng ngôi nhà ở).** Thừa kế **đối với nhà ở** được mở trước ngày 01/7/1991 thì thời hiệu khởi kiện còn được cộng thêm thời gian 2 năm 06 tháng. Như vậy, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với nhà ở của cụ Long, cụ Tít đến ngày 11/3/2023 hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, **trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và các đương sự tự nguyện cùng nhau thống nhất không chia ngôi nhà 5 gian và sân gạch do cụ Long, cụ Tít mà để lại cho ông Viên quản lý, sở hữu sử dụng.** Nên tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao cho ông Viên quản lý sử dụng ngôi nhà ở và sân do các cụ để lại là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Căn cứ vào quy định tại k1, điều 623 – BLDS *(Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó)* và căn cứ vào mục 2, phần III, Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 sẽ thuộc về những người thừa kế đang quản lý sử dụng di sản đó, trong đó có ông Viên là người những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS). Anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS).

Hiện nay ông Viên đang quản lý thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Còn anh Phi và anh Toản đang là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2. Anh Phi đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất. QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Còn anh Toản đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2.

Vì vậy, thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2thuộc về ông Viên. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2 thuộc về anh Phi. Còn thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 thuộc về anh Toản.

Như vậy, việc bản án sơ thẩm không giao cho ông Viên, anh Toản, anh Phi sử dụng các thửa đất nêu trên là trái pháp luật. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm:

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2;

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Là có căn cứ. Bởi vì các lý do sau đây:

Thứ nhất: **Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít,** Bởi vì:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

3. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày

01/6/2022 giữa Văn phong luật sư Hữu Tuyến và công sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

4. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Việc cụ Lanh, ông Viên, bà Khuyên, bà Quyên nào đó đứng tên trên các thửa đất của cụ Long, cụ Tít để lại, đều là tự ý kê khai, không có giấy tờ chứng cứ nào thể hiện sự tặng cho, chuyển nhượng quyền sử đất, nên đều không có giá trị pháp lý.

Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít để lại, ông Viên, anh Toản, anh Phi đang là người đang quản lý ngay tình. Bản án sơ thẩm xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của ông Giã, bà Lanh để lại để chia thừa kế theo pháp luật cho những thừa kế của ông Giã, bà Lanh là hoàn toàn trái pháp luật.

Thứ hai: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã không giao 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho ông Viên, anh Toản, anh Phi, mà chia cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là trái pháp luật.** Bởi vì:

1. Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh các thửa đất này như các bà đã khai.

Mặt khác, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) do ông Viên cung cấp cho tòa lại thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao để trông nom, chứ không có việc cụ Long, cụ Tít tặng cho nhà đất, ao, ruộng cho ông Giã, bà Lanh như các bà chị gái, em gái ông Viên đã trình bầy.

Thưa HĐXX! Theo từ điểm tiếng việt, **"Trông nom"** có nghĩa là để ý đến, chăm sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, Đồng nghĩa**: coi ngó, trông coi,** chứ không phải là tặng cho.

Như vậy, không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 470, 432, 511 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

2. Cụ Chu Văn Long - ông ngoại ông Viên (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm:

1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992;

2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003.

Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Năm 1979 cụ Tít chết. Năm 1984 chị Long chết. Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên cho bất kỳ ai. Như vậy, đến thời điểm này 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của các cụ.

Tuy nhiên, đến thời điểm bà Gái khởi kiện (ngày 8/3/2021) thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long, cụ Tít đã hết. Bởi vì:

Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định về thời hiệu thừa kế như sau:

"1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế…"

Khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015 quy định: *Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.*

Do cụ Tít chết năm 1979. Cụ Long chết năm 1984. Như vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ Tít vào năm 1979. Cụ Long vào năm 1984.

Tại điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế có quy định: *"Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990".*

Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Tít, cụ Long được tính từ ngày 10/9/1990 đến hết từ ngày 10/9/2020.

Tại khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định:

*"1. **Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,** 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. **Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó."***

Căn cứ vào quy định nêu trên thì sau ngày 10/9/2020 thì ba (03) thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít để lại sẽ thuộc về những người thừa kế của cụ Long, cụ Tít đang quản lý sử dụng di sản đó.

Thưa HĐXX! Do ông Viên là người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS) và là người đang quản lý sử dụng thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về ông Viên.

Còn anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS). Cũng là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2 thửa:

- Anh Toản quản lý sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-1 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Toản;

- Anh Phi quản lý sử dụng thửa đất 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Phi.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã xác định: 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít đã cho cụ ông Giã, bà Lanh, để chia 3 thửa đất này cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã mà không Giao cho ông Viên, anh Toản và anh Phi là hoàn toàn trái pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét.

***Thứ ba*: Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng, đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Toản, anh Phi đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này là trái pháp luật.** Bởi vì:

Căn cứ vào giấy CNQSD quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền mà gia đình ông Viên đã cung cấp cho tòa thể hiện: Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 đã được chia làm 2 thửa là 432 -1 và thửa 432-2. Cùng ngày 03/6/2017, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản đối với thửa đất 432 -1 và Cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250

cho anh Trịnh Văn Phi đối với thửa đất 432 -2. Hiện nay các giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Phi và anh Toản đã được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét.

Thứ tư: **TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, khi không triệu tập chị Hoàng Thị Ninh; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Thịnh; anh Hoàng Vượng và vợ con anh Cường. Là con bà Lung – cháu ngoại cụ Long, cụ Tít vào tham gia tố tụng.** Bởi vì:

Ông ngoại ông Trịnh Văn Viên là cụ Chu Văn Long (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm: 1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992; 2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003. Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên. Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế theo pháp luật của các cụ, trong đó có bà Lanh và bà Lung.

Do bà Lanh đã chết năm 1992, ông Giã chồng bà Lanh chết năm 2001; Bà Lung đã chết năm 2003, ông Thăng chồng bà Lung chết năm 2001.

Mặc dù thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Long, cụ Tít đã hết từ ngày 20/9/2020 nhưng vẫn nên đưa các con của bà Lung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án khi Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến 3 thửa đất mà cụ Long và cụ Tít để lại nêu trên.

Đề nghị Quý tòa triệu tập các con bà Lung là chị Hoàng Thị Ninh; anh Hoàng Văn Cường; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Văn Thịnh và anh Hoàng Văn Vượng vào tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi đề nghị HĐXX:

- Căn cứ K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS.

- Căn cứ khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015; Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015; Điểm b, c khoản 1, điều 651 – BLDS 2015.

- Căn cứ điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh:

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Là có căn cứ. Bởi vì các lý do sau đây:

***Thứ nhất*: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít,** Bởi vì:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

3. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 01/6/2022 giữa Văn phong luật sư Hữu Tuyến và công sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

4. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Việc cụ Lanh, ông Viên, bà Khuyên, bà Quyên nào đó đứng tên trên các thửa đất của cụ Long, cụ Tít để lại, đều là tự ý kê khai, không có giấy tờ chứng cứ nào thể hiện sự tặng cho, chuyển nhượng quyền sử đất, nên đều không có giá trị pháp lý.

Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít để lại, ông Viên, anh Toản, anh Phi đang là người đang quản lý ngay tình. Bản án sơ thẩm xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của ông Giã, bà Lanh để lại để chia thừa kế theo pháp luật cho những thừa kế của ông Giã, bà Lanh là hoàn toàn trái pháp luật.

Thứ hai: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã không giao 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho ông Viên, anh Toản, anh Phi, mà chia cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là trái pháp luật.** Bởi vì:

1. Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà

Hồng, bà Hải, bà Sửu đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh các thửa đất này như các bà đã khai.

Mặt khác, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) do ông Viên cung cấp cho tòa lại thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao để trông nom, chứ không có việc cụ Long, cụ Tít tặng cho nhà đất, ao, ruộng cho ông Giã, bà Lanh như các bà chị gái, em gái ông Viên đã trình bầy.

Thưa HĐXX! Theo từ điểm tiếng việt, **"Trông nom"** có nghĩa là để ý đến, chăm sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, Đồng nghĩa**: coi ngó, trông coi,** chứ không phải là tặng cho.

Như vậy, không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 470, 432, 511 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

2. Cụ Chu Văn Long - ông ngoại ông Viên (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm:

1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992;

2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003.

Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Năm 1979 cụ Tít chết. Năm 1984 chị Long chết. Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên cho bất kỳ ai. Như vậy, đến thời điểm này 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của các cụ.

Tuy nhiên, đến thời điểm bà Gái khởi kiện (ngày 8/3/2021) thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long, cụ Tít đã hết. Bởi vì:

Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định về thời hiệu thừa kế như sau:

"1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế..."

Khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015 quy định: *Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.*

Do cụ Tít chết năm 1979. Cụ Long chết năm 1984. Như vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ Tít vào năm 1979. Cụ Long vào năm 1984.

Tại điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế có quy định: *"Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990".*

Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Tít, cụ Long được tính từ ngày 10/9/1990 đến hết từ ngày 10/9/2020.

Tại khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định:

"1. ***Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,*** *10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.* ***Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó."***

Căn cứ vào quy định nêu trên thì sau ngày 10/9/2020 thì ba (03) thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít để lại sẽ thuộc về những người thừa kế của cụ Long, cụ Tít đang quản lý sử dụng di sản đó.

Thưa HĐXX! Do ông Viên là người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS) và là người đang quản lý sử dụng thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về ông Viên.

Còn anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS). Cũng là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2 thửa:

- Anh Toản quản lý sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào

khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-1 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Toản;

- Anh Phi quản lý sử dụng thửa đất 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Phi.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã xác định: 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít đã cho cụ ông Giã, bà Lanh, để chia 3 thửa đất này cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã mà không Giao cho ông Viên, anh Toản và anh Phi là hoàn toàn trái pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét.

***Thứ ba*: Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng, đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Toản, anh Phi đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này là trái pháp luật.** Bởi vì:

Căn cứ vào giấy CNQSD quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền mà gia đình ông Viên đã cung cấp cho tòa thể hiện: Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 đã được chia làm 2 thửa là 432 -1 và thửa 432-2. Cùng ngày 03/6/2017, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản đối với thửa đất 432 -1 và Cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi đối với thửa đất 432 -2. Hiện nay các giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Phi và anh Toản đã được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét.

***Thứ tư*: TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, khi không triệu tập chị Hoàng Thị Ninh; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Thịnh; anh**

Hoàng Vượng và vợ con anh Cường. Là con bà Lung – cháu ngoại cụ Long, cụ Tít vào tham gia tố tụng. Bởi vì:

Ông ngoại ông Trịnh Văn Viên là cụ Chu Văn Long (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm: 1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992; 2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003. Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên. Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế theo pháp luật của các cụ, trong đó có bà Lanh và bà Lung.

Do bà Lanh đã chết năm 1992, ông Giã chồng bà Lanh chết năm 2001; Bà Lung đã chết năm 2003, ông Thăng chồng bà Lung chết năm 2001.

Mặc dù thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Long, cụ Tít đã hết từ ngày 20/9/2020 nhưng vẫn nên đưa các con của bà Lung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án khi Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến 3 thửa đất mà cụ Long và cụ Tít để lại nêu trên.

Đề nghị Quý tòa triệu tập các con bà Lung là chị Hoàng Thị Ninh; anh Hoàng Văn Cường; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Văn Thịnh và anh Hoàng Văn Vượng vào tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi đề nghị HĐXX:

- Căn cứ K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS.

- Căn cứ khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015; Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015; Điểm b, c khoản 1, điều 651 – BLDS 2015.

- Căn cứ điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh:

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/GĐ-TANDTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2018*

GIẢI ĐÁP
MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIỆP VỤ

Kính gửi: - Các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự;
- Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Qua thực tiễn công tác xét xử, Tòa án nhân dân tối cao nhận được phản ánh của các Tòa án về một số vướng mắc về nghiệp vụ. Để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

I. VỀ DÂN SỰ

Trường hợp người để lại di sản thừa kế chết trước năm 1987 mà hiện nay Tòa án mới thụ lý, giải quyết tranh chấp thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được xác định như thế nào?

Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế.

Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990.

Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01-7-1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia; thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-9-2006 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia.

II. VỀ TỐ TỤNG DÂN SỰ

1. Trường hợp vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là nhà, đất mà các bên không thỏa thuận được giá trị di sản, mặc dù đã được Tòa án giải thích nhưng nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định không yêu cầu đo đạc, định giá tài sản thì Tòa án giải quyết như thế nào?

Căn cứ vào khoản 1 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp xét thấy cần thiết, Thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ với sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ

chức nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định và phải báo trước việc xem xét, thẩm định tại chỗ để đương sự biết, chứng kiến việc xem xét, thẩm định đó. Trường hợp này, nguyên đơn, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp các đương sự không thỏa thuận được giá tài sản thì Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá. Trường hợp này, nguyên đơn, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Trường hợp nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản nhưng khi có kết luận giám định, kết quả định giá tài sản thì chi phí giám định, chi phí định giá tài sản cao hơn số tiền tạm ứng và Tòa án có yêu cầu nguyên đơn nộp bổ sung nhưng nguyên đơn không thực hiện thì Tòa án có căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án không?

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong trường hợp *"Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này".*

Như vậy, trường hợp nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản nhưng khi có kết luận giám định, kết quả định giá tài sản thì chi phí giám định, chi phí định giá tài sản cao hơn số tiền tạm ứng và Tòa án có yêu cầu nguyên đơn nộp bổ sung nhưng nguyên đơn không thực hiện thì không phải là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc xử lý tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 162 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cụ thể là:

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định không phải chịu chi phí giám định, người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản không phải nộp chi phí định giá tài sản thì người phải chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản.

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định phải chịu chi phí giám định, người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản phải chịu chi phí định giá tài sản nếu số tiền tạm ứng đã nộp chưa đủ cho chi phí giám định, chi phí định giá tài sản thực tế thì họ phải nộp thêm phần tiền còn thiếu; nếu số tiền tạm ứng đã nộp nhiều hơn chi phí giám định, chi phí định giá tài sản thực tế thì họ được trả lại phần tiền còn thừa theo quyết định của Tòa án.

Tòa án căn cứ vào Điều 161 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định người phải chịu chi phí giám định, chi phí định giá tài sản.

3. Khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự". Vậy đến ngày thứ 09, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến, Thẩm phán mới ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do chậm ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự không?

Khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Trong thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều này, tùy từng trường hợp, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây: a) Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; b) Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; c) Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; d) Đưa vụ án ra xét xử".*

Như vậy, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự phải được ban hành trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Để đảm bảo nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngay sau khi kết thúc thời hạn 07 kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 147 và khoản 5 Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định; khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

Như vậy, nếu đến ngày thứ 09, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến, Thẩm phán mới ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có vi phạm thời hạn ra quyết định nhưng không coi đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, sau khi hòa giải vợ chồng thống nhất đoàn tụ nhưng không rút đơn khởi kiện thì Tòa án ra quyết định hòa giải thành hay ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án?

Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, nếu sau khi hòa giải, vợ chồng thống nhất đoàn tụ thì cần xác định đây là trường hợp nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện. Tòa án căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

5. Trong vụ án có nhiều đương sự, nếu có một đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không tiến hành hòa giải thì có thuộc trường hợp vụ án dân sự không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không?

Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định một trong các trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được là: *"Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải"*. Như vậy, trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị không tiến hành hòa giải là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nếu trong vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc tiến hành hòa giải không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải. Thẩm phán phải thông báo việc hoãn phiên hòa giải và việc mở lại phiên hòa giải cho đương sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nếu các đương sự có mặt tại phiên hòa giải thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

6. Vụ án dân sự đang tạm đình chỉ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án để đình chỉ đối với yêu cầu đã rút hay chờ đến khi lý do tạm đình chỉ vụ án không còn, mới giải quyết trong cùng vụ án và ghi rõ trong phần nhận định của bản án về việc rút yêu cầu đó?

Điều 216 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

"Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 214 của Bộ luật này không còn thì Tòa án phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và gửi quyết định đó cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, Viện kiểm sát cùng cấp.

Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án kể từ khi ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự".

Theo quy định nêu trên thì việc rút yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập sẽ được Tòa án xem xét giải quyết khi Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án vì lý do tạm đình chỉ vụ án không còn. Việc xem xét giải quyết rút yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải được ghi rõ trong bản án, quyết định giải quyết vụ án.

7. Trường hợp tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự thay đổi, bổ sung yêu cầu thì trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu đó như thế nào? Đương sự có phải làm lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập và có phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu thay đổi, bổ sung đó không?

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 236, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự tại phiên tòa chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu được thể hiện trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn phản tố của bị đơn, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, khi được Chủ tọa hỏi có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập hay không thì đương sự có quyền trình bày về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu mà không phải làm lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập và không phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu thay đổi, bổ sung đó. Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung của đương sự thì phải ghi rõ trong bản án.

8. Trong vụ án ly hôn, vợ, chồng có con từ đủ 07 tuổi trở lên nhưng không biết địa chỉ cư trú của con ở đâu nên Tòa án không lấy được lời khai của con. Trường hợp vợ, chồng đều muốn nuôi con thì phải giải quyết như thế nào? Tòa án có quyền giao con cho một bên đương sự nuôi mà không cần hỏi ý kiến của con được không?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Theo quy định nêu trên thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của các con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Trên đây là giải đáp một số vướng mắc về dân sự, tố tụng dân sự để các Tòa án nghiên cứu, tham khảo trong quá trình giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền.

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và

lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, **anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản** là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ. Bởi vì các lý do sau đây:

Thứ nhất: **Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít,** Bởi vì:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

3. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 01/6/2022 giữa Văn phong luật sư Hữu Tuyến và công sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

4. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực

tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Việc cụ Lanh, ông Viên, bà Khuyên, bà Quyên nào đó đứng tên trên các thửa đất của cụ Long, cụ Tít để lại, đều là tự ý kê khai, không có giấy tờ chứng cứ nào thể hiện sự tặng cho, chuyển nhượng quyền sử đất, nên đều không có giá trị pháp lý. Nên 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít.

Thứ hai: **Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi chết vợ chồng cụ Long chưa chuyển nhượng, tặng cho cho ai 3 thửa đất 707; 684 và 715, thuộc tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50. Vẫn là của cụ Long, cụ Tít để chia cho những người thừa kế của cụ.** Bởi vì:

Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại.

Mặc dù bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà Hồng, bà Hải, bà Sửu đều khai là cụ Long, cu Tít đã cho ông Giã, bà Lanh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh.

Ngược lại, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) do ông Viên cung cấp cho tòa lại thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao để trông nom, chứ không có việc cụ Long, cụ Tít tặng cho nhà đất, ao, ruộng cho ông Giã, bà Lanh như các bà chị gái, em gái ông Viên đã trình bầy.

Thưa HĐXX! Theo từ điểm tiếng việt, **"Trông nom"** có nghĩa là để ý đến, chăm sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, Đồng nghĩa**: coi ngó, trông coi,** chứ không phải là tặng cho.

Như vậy, không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 07; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

Việc bản án sơ thẩm đã xác định: 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít đã cho cụ ông Giã, bà

Lanh, để chia 3 thửa đất này cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là trái pháp luật.

***Thứ ba*: Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng, đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Toản, anh Phi đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này là trái pháp luật.** Bởi vì:

Căn cứ vào giấy CNQSD quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền mà gia đình ông Viên đã cung cấp cho tòa thể hiện: Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 đã được chia làm 2 thửa là 432 -1 và thửa 432-1. Cùng ngày 03/6/2017, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản đối với thửa đất 432 -1 và Cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi đối với thửa đất 432 -2. Hiện nay các giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Phi và anh Toản đã được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ.

***Thứ tư:* TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, khi không triệu tập chị Hoàng Thị Ninh; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Thịnh; anh Hoàng Vượng và vợ con anh Cường. Là con bà Lung – cháu ngoại cụ Long, cụ Tít vào tham gia tố tụng.** Bởi vì:

Ông ngoại ông Trịnh Văn Viên là cụ Chu Văn Long (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm: 1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992; 2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003. Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên. Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế theo pháp luật của các cụ, trong đó có bà Lanh và bà Lung.

Do bà Lanh đã chết năm 1992, ông Giã chồng bà Lanh chết năm 2001; Bà Lung đã chết năm 2003, ông Thăng chồng bà Lung chết năm 2001, nên các con của bà Lanh và bà Lung là người thừa kế theo pháp luật của bà Lành, bà Lung, đều phải được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến 3 thửa đất mà cụ Long và cụ Tít để lại nêu trên.

Thưa HĐXX! Qua nghiên cứu hồ sơ và tài liệu ông Viên mới cung cấp tôi được biết:

Sinh thời, bà Lung – con gái cụ Long, cụ Tít, kết hôn với ông Hoàng Thăng, sinh được 5 người con, gồm: Chị Hoàng Thị Ninh; anh Hoàng Văn Cường; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Văn Thịnh và anh Hoàng Văn Vượng. Anh Cường con trai bà Lung chết năm 2021.

Như vậy, Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không triệu tập chị Hoàng Thị Ninh; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Thịnh; anh Hoàng Vượng (con bà Lung) và vợ con anh Cường tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thiếu sót, vi phạm tố tụng nghiêm trọng.

Thứ năm: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã không giao 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho ông Viên, anh Toản, anh Phi, mà chia cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là vi phạm Khoản 1 - Điều 623 – BLDS, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của những người đang sử dụng ngay tình 3 thửa đất này.** Bởi vì:

Khoản 1 - Điều 623 – BLDS có quy định về thời hiệu thừa kế như sau:

"1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó."

Thưa HĐXX! Như tôi đã chứng minh ở trên thì hiện nay 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừ kế của cụ Long, cụ Tít. Nhưng do cụ Long chết năm 1984. Cụ Tít chết năm 1979. Căn cứ vào luật dân sự 2015 và các văn bản hường dẫn thì thời hiệu chia thừa kế tài sản của cụ Long và cụ Tít đã hết từ ngày 10/9/2020. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại k1, điều 623 – BLDS nêu trên thì 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 sẽ thuộc về những người thừa kế đang quản lý sử dụng di sản đó.

Do ông Viên là người những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS). Anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS).

Hiện nay ông Viên đang quản lý thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Còn anh Phi và anh Toản đang là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2. Anh Phi đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất. QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Còn anh Toản đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2. Vì vậy, thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 thuộc về ông Viên. Thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2 thuộc về anh Phi. Còn thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 thuộc về anh Toản.

Như vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 nêu trên cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Giã, bà Lanh mà không Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 mới đúng pháp luật và anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 là hoàn toàn trái pháp luật.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi đề nghị HĐXX:

- Áp dụng K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chia thừa kế giá trị thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo quy định của pháp luật sau khi trích công trích công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

***Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 623 – BLDS; Điểm b, c khoản 1, điều 651 – BLDS):**

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2.

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi thấy bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, tôi đề nghị HĐXX:

- Áp dụng K 3, điều 308; K 2 - điều 310 – BLTTDS. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến

Câu hỏi

12. Hỏi các đương sự về nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít có đúng không?
13. Cụ Long cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh 3 thửa đất nêu trên chưa ?
14. Thể hiện bằng văn bản giấy tờ nào ?
15. Cụ Long, cụ Tít có 2 người con là bà Lanh và bà Lung có đúng không ?
16. Bà Lanh kết hôn với ông Giã có mấy người con ? gồm những ai ?
17. Bà Lung kết hôn với ông Thăng có mấy người con ? gồm những ai ?
18. Hiện nay ông Viên là người sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 có đúng không ?
19. Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2 đã được tách làm 2 có đúng không ?

20. Anh Toản là người đang sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất này có đúng không ?

21. Còn anh Phi là người đang sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2. Đã được Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017 đối với thửa đất này có đúng không ?

22. Hai giấy chứng QSD đất cấp cho anh Toản, anh Phi vẫn có hiệu lực có đúng không ?

BÀI LUẬN CỨ BẢO VỆ PHÚC THẨM

Cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản

Kính thưa HĐXX ! Thưa vị đại diện Viện kiểm sát.

Tôi là luật sư: Phương Hữu Tuyến thuộc Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự - Đoàn luật sư Hà Nội. Tôi có mặt tại toà hôm nay với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản là có đơn kháng cáo trong vụ án.

Thưa HĐXX! Qua nghiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tham gia thẩm vấn tại phiên tòa hôm này, Với tư cách là người bảo vệ cho ông Trịnh Văn Viên, anh Trịnh Văn Phi, anh Trịnh Quốc Toản tôi thấy Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh là trái pháp luật. Việc ông Viên, anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Là có căn cứ. Bởi vì các lý do sau đây:

***Thứ nhất*: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy: 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít,** Bởi vì:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của bà Gái và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Gái (Khuyên); Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 của bà Trịnh Thị Điền; bà Trịnh Thị Hồng; bà Trịnh Thị Hải, bà Trịnh Thị Sửu, bà Trịnh Bắc và lời khai của bà Gái tại phiên tòa. Các bà đều thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của ông bà ngoại để lại. Việc này được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 337; 388) và tại bản án sơ thẩm.

2. Tại đơn đề nghị ngày 01/6/2022 của ông Viên gửi tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Viên và người đại diện cho ông Viên cũng thừa nhận 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc là của cụ Long, cụ Tít.

3. Tại buổi bản làm việc ngày 01/6/2022 với Văn phòng luật sư Hữu Tuyến và công sự. Ông Hoàng Văn Nho, sinh năm 1922, cháu rể của cụ Chu Văn Long. Mẹ vợ của ông là em gái ruột của cụ Long; Bà Chu Thị Ngọ, sinh năm 1929 - cháu ruột của cụ Chu Văn Long, gọi cụ Chu Văn Long là bác ruột và ông Chu Văn lạc là trưởng họ Chu. Bố ông Lạc gọi cụ Long là chú họ đều thừa nhận 3 thửa đất nêu trên là của cụ Long và cụ Tít – ông bà ngoại ông Viên. Việc này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 01/6/2022 giữa Văn phong luật sư Hữu Tuyến và công sự với ông Hoàng Văn Nho, bà Chu Thị Ngọ, ông Chu Văn Lạc.

4. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1987 (BL 208 và 209) (sau ngày cụ Long chết 3 năm) đang lưu tại UBND xã Thanh Lâm thì thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 (nay là thửa đất ao số 432, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 1340,7 m^2) vẫn ghi tên là của cụ Long. Đến năm 2004 mới mang tên ông Viên. Như vậy, thửa đất ao số 684, thuộc tờ bản đồ 02, diện tích 1.225 m^2 vẫn là của cụ Long, cụ Tít.

Việc cụ Lanh, ông Viên, bà Khuyên, bà Quyên nào đó đứng tên trên các thửa đất của cụ Long, cụ Tít để lại, đều là tự ý kê khai, không có giấy tờ chứng cứ nào thể hiện sự tặng cho, chuyển nhượng quyền sử đất, nên đều không có giá trị pháp lý.

Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản cụ Long, cụ Tít để lại, ông Viên, anh Toản, anh Phi đang là người đang quản lý ngay tình. Bản án sơ thẩm xác định 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của ông Giã, bà Lanh để lại để chia thừa kế theo pháp luật cho những thừa kế của ông Giã, bà Lanh là hoàn toàn trái pháp luật.

Thứ hai: **Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã không giao 3 thửa đất 707; 684 và 715, tờ bản đồ số 2 nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 cho ông Viên, anh Toản, anh Phi, mà chia cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã là trái pháp luật.** Bởi vì:

1. Như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì tất cả các con của ông Giã, bà Lanh đều thừa nhận nguồn gốc 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 là của cụ Long, cụ Tít để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gái, bà Điền, bà Bắc, bà

Hồng, bà Hải, bà Sửu đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là cụ Long và cụ Tít đã cho ông Giã, bà Lanh các thửa đất này như các bà đã khai.

Mặt khác, căn cứ vào sổ Phả ký hộ Chu (quyển thứ 3) do ông Chu Văn Sự lập năm 1988 (BL 221-222) do ông Viên cung cấp cho tòa lại thể hiện việc cụ Long, cụ Tít chỉ giao cho ông Giã toàn bộ ruộng, đất, nhà, ao để trông nom, chứ không có việc cụ Long, cụ Tít tặng cho nhà đất, ao, ruộng cho ông Giã, bà Lanh như các bà chị gái, em gái ông Viên đã trình bầy.

Thưa HĐXX! Theo từ điểm tiếng việt, **"Trông nom"** có nghĩa là để ý đến, chăm sóc và giữ gìn cho mọi việc được tốt đẹp, Đồng nghĩa**: coi ngó, trông coi,** chứ không phải là tặng cho.

Như vậy, không có việc cụ Long, cụ Tít đã tặng cho, chuyển nhượng 3 thửa đất 470, 432, 511 cho ông Giã, bà Lanh. Vì vậy, toàn bộ 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của 2 cụ.

2. Cụ Chu Văn Long - ông ngoại ông Viên (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm:

1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992;

2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003.

Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Năm 1979 cụ Tít chết. Năm 1984 chị Long chết. Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên cho bất kỳ ai. Như vậy, đến thời điểm này 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 vẫn là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của các cụ.

Tuy nhiên, đến thời điểm bà Gái khởi kiện (ngày 8/3/2021) thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế 3 thửa đất đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long, cụ Tít đã hết. Bởi vì:

Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định về thời hiệu thừa kế như sau:

"1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế..."

Khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015 quy định: *Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.*

Do cụ Tít chết năm 1979. Cụ Long chết năm 1984. Như vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ Tít vào năm 1979. Cụ Long vào năm 1984.

Tại điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế có quy định: *"Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990".*

Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Tít, cụ Long được tính từ ngày 10/9/1990 đến hết từ ngày 10/9/2020.

Tại khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 có quy định:

"1. ***Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,*** *10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.* ***Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó."***

Căn cứ vào quy định nêu trên thì sau ngày 10/9/2020 thì ba (03) thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 của cụ Long và cụ Tít để lại sẽ thuộc về những người thừa kế của cụ Long, cụ Tít đang quản lý sử dụng di sản đó.

Thưa HĐXX! Do ông Viên là người thừa kế theo hàng thừa kế thứ 2 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm b, khoản 1, điều 651 – BLDS) và là người đang quản lý sử dụng thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về ông Viên.

Còn anh Phi và anh Toản là người thừa kế theo hàng thứ 3 của cụ Long, cụ Tít (theo điểm c, khoản 1, điều 651 – BLDS). Cũng là người quản lý sử dụng thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, 1340,7 m^2. Thửa đất này đã được tách làm 2 thửa:

- Anh Toản quản lý sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào

khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-1 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Toản;

- Anh Phi quản lý sử dụng thửa đất 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678.7 m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 ngày 03/6/2017. Căn cứ vào khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015 nêu trên thì thửa đất 432-2 sẽ thuộc quản lý sử dụng về anh Phi.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã xác định: 3 thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là của cụ Long, cụ Tít đã cho cụ ông Giã, bà Lanh, để chia 3 thửa đất này cho những người thừa kế của cụ Lanh, cụ Giã mà không Giao cho ông Viên, anh Toản và anh Phi là hoàn toàn trái pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét.

***Thứ ba*: Bản án sơ thẩm số 06/2022/ST - DS ngày 21/01/2022 của TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng, đã tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Toản, anh Phi đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này là trái pháp luật.** Bởi vì:

Căn cứ vào giấy CNQSD quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền mà gia đình ông Viên đã cung cấp cho tòa thể hiện: Hiện nay thửa đất 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 đã được chia làm 2 thửa là 432 -1 và thửa 432-2. Cùng ngày 03/6/2017, Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641251 cho anh Trịnh Văn Toản đối với thửa đất 432 -1 và Cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CG 641250 cho anh Trịnh Văn Phi đối với thửa đất 432 -2. Hiện nay các giấy CNQSD đất này vẫn đang có hiệu lực. Không bị một cơ quan có thẩm nào ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này.

Như vậy, việc Bản án sơ thẩm của tòa án huyện Mê Linh tuyên giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý và sử dụng thửa đất ao 432, tờ bản đồ số 50, diện tích 1.340,7 m^2 trong khi anh Phi và anh Toản đã được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này là trái pháp luật. Ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Toản và anh Phi. Việc anh Phi, anh Toản có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét.

***Thứ tư*: TAND huyện Mê Linh đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, khi không triệu tập chị Hoàng Thị Ninh; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Thịnh; anh**

Hoàng Vượng và vợ con anh Cường. Là con bà Lung – cháu ngoại cụ Long, cụ Tít vào tham gia tố tụng. Bởi vì:

Ông ngoại ông Trịnh Văn Viên là cụ Chu Văn Long (Sinh năm 1898, chết ngày 14/8/1984) kết hôn với bà ngoại ông Viên là cụ Nguyễn Thị Tít (sinh năm 1899, chết ngày 08/11/1979) có 2 (hai) người con chung, gồm: 1. Bà Chu Thị Lanh (mẹ ông Viên), sinh năm 1920, chết ngày 12/02/1992; 2. Bà Chu Thị Lung, sinh năm 1936, chết ngày 09/11/2003. Ngoài 2 người con chung trên, ông bà ngoại ông Viên không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ Long, cụ Tít có tạo lập được 3 thửa đất 707; 684 và 715 nay là thửa đất 470, 432, 511, nằm tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội:

Trước khi chết cụ Long và cụ Tít không để lại di chúc cho ai 3 thửa đất nêu trên. Như vậy, 3 thửa đất 707; 684 và 715 thuộc tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất 470, 432, 511, tờ bản đồ số 50 là tài sản của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế theo pháp luật của các cụ, trong đó có bà Lanh và bà Lung.

Do bà Lanh đã chết năm 1992, ông Giã chồng bà Lanh chết năm 2001; Bà Lung đã chết năm 2003, ông Thăng chồng bà Lung chết năm 2001.

Mặc dù thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Long, cụ Tít đã hết từ ngày 20/9/2020 nhưng vẫn nên đưa các con của bà Lung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án khi Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến 3 thửa đất mà cụ Long và cụ Tít để lại nêu trên.

Đề nghị Quý tòa triệu tập các con bà Lung là chị Hoàng Thị Ninh; anh Hoàng Văn Cường; chị Hoàng Thị Khang; anh Hoàng Văn Thịnh và anh Hoàng Văn Vượng vào tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

Thưa HĐXX! Từ các phân tích trên đây. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trịnh Văn Viên. Tôi đề nghị HĐXX:

- Căn cứ K 2, điều 308; Điều 309 – BLTTDS.

- Căn cứ khoản 1, Điều 611 – BLDS 2015; Khoản 1 - Điều 623 – BLDS 2015; Điểm b, c khoản 1, điều 651 – BLDS 2015.

- Căn cứ điểm b, mục 10, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Viên, anh Phi, anh Toản. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ***Chia thừa kế giá trị*** *thửa đất số 701, tờ bản đồ số 02, diện tích 262 m^2 (nay là thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 303 m^2) của ông Giã, bà Lanh để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh theo pháp luật, gồm: ông Viên, bà Gái, bà Điền; bà Hồng; bà Hải, bà Sửu, bà Bắc, sau khi trích 1/3 giá trị tài sản công tôn tạo cho ông Viên và bà Gái.*

+ Giao cho bà Trịnh Thị Gái quản lý sử dụng 173,5 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50;

+ Giao cho ông Trịnh Văn Viên quản lý sử dụng 130 m^2 trong thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50. Ông Viên, bà Gái có trách nhiệm trả tiền cho bà Điền, bà Hồng, bà Hải, bà Bắc, bà Sửu số tiền mà các bà được thừa kế của ông Giã, bà Lanh.

2. Không chấp nhận việc bà Gái khởi kiện chia thừa kế 4 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2; Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2; Thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 và thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 của cụ Long, cụ Tít để lại cho những người thừa kế của ông Giã, bà Lanh:

- Giao cho ông Viên được quyền quản lý, sử dụng 2 thửa đất đất 470, tờ bản đồ số 50, diện tích 574,7 m^2 và thửa đất số 511, tờ bản đồ số 50, diện tích 988,9 m^2 do ông Viên là người đang quản lý sử dụng các thửa đất này.

- Giao cho anh Toản được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 676,1 m^2 do anh Toản là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

- Giao cho anh Phi được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 432-2, tờ bản đồ số 50, diện tích 678,7 m^2 do anh Phi là người đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất;

Kính thưa HĐXX. Trên đây là toàn bộ quan điểm của tôi về việc giải quyết vụ án. Kính mong HĐXX xem xét. Thay mặt thân chủ, nhân danh cá nhân luật sự tôi xin trân trọng cám ơn hội đồng, cám ơn các quý vị đã chú ý lắng nghe!

Luật sư

Phương Hữu Tuyến